

SÁCH HIỂU-BIỆT

Sơn-tùng HOÀNG THÚC-TRÂM

QUỐC-VĂN ĐỜI TÂY-SƠN

NHÀ SÁCH VINH-BẢO -- SÀI-GÒN



CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Tên sách : QUỐC-VĂN ĐỜI TÂY-SƠN

Tác giả : Sơn-Tùng HOÀNG THÚC-TRÂM

Nhà xuất bản : Nhà sách VĨNH-BẢO SÀI-GÒN

Năm xuất bản : 1950

Nguồn sách : tusachtiengviet.com

Đánh máy : yeuhoatigone

Kiểm tra chính tả : Cao Ngọc Thùy Ân, Thanh Hoa,
Nguyễn Văn Huy, Trương Thu Trang

Biên tập chữ Hán – Nôm : Lý Hồng Yến

Biên tập ebook : Thư Võ

Ngày hoàn thành : 08/10/2019

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận
« SỔ HÓA 1000 QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG
BÓNG » của diễn đàn TVE-4U.ORG**

**Cảm ơn tác giả Sơn-Tùng HOÀNG THỨC-TRÂM và nhà
sách VĨNH-BẢO SÀI-GÒN đã chia sẻ với bạn đọc
những kiến thức quý giá.**

MỤC LỤC

PHẠM-LÊ

LỜI ĐẦU

PHẦN THỨ NHẤT : LỊCH-SỬ QUỐC-VĂN ĐỜI TÂY-SƠN

Chương 1 : Tây-sơn lên cầm chính-quyền, có ảnh-hưởng đến quốc-văn thế nào ?

Chương II : Hưởng phần « hương-hỏa » quốc-văn từ cuối Lê

Chương III : Quốc-văn được dùng trong việc hiệu-triệu tướng sù

Chương IV : Quốc-văn dùng trong việc tế-lễ thiêng-liêng

Chương V : Quốc-văn dùng trong quân-sự

Chương VI : Quốc-văn trong dân-gian

Chương VII : Những đặc-tính của quốc-văn đương thời

PHẦN THỨ HAI : CÁC TÁC-GIẢ ĐỜI TÂY-SƠN

Chương I : Hồ-xuân-Hương

Chương II : Ngọc-Hân công-chúa (1770-1799).

Chương III : Phan-huy-Ích (1750-1822).

Chương IV : Nguyễn-hữu-Chỉnh (?-1787).

Chương V : Nguyễn-huy-Lượng

KẾT LUẬN

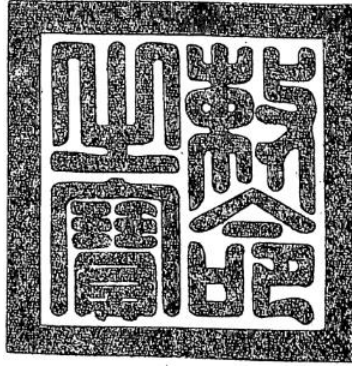
SÁCH BÁO THAM KHẢO

SÁCH HIẾU-BIỆT

Sơn-Tùng HOÀNG THÚC-TRÂM

QUỐC-VĂN ĐỜI TÂY-SƠN

NHÀ SÁCH VĨNH-BẢO SÀI-GÒN



救命之寶 (SẮC MỆNH CHI BẢO)

Dấu ấn này rập trong đạo sắc của Phan Huy Ích (người phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây do vua Quang Trung gia phong...

文學
光中

PHÀM-LỆ

1) Sách này có hai mục-đích là giúp các bạn học-sinh dùng trong các trường học và cung tài-liệu cho bộ thuần-túy Việt-nam văn-học-sử sau này, nên tác-giả cố-gắng khảo-cứu cho được kỹ và chú-thích cho được tường. Nhưng ngặt vì trong cơn khói lửa, còn nhiều điều-kiện chưa đủ, nên không sao tránh khỏi những khuyết-điểm đáng tiếc.

2) Phàm những sách báo tham-khảo để viết sách này, sẽ liệt-kê ở cuối. Còn nội-dung có những bài thơ văn cổ, hoặc từ chữ nôm mới phiên-âm ra, hoặc sao-lục hay so-sánh ở sách báo quốc-ngữ nào, đều có chưa rõ xuất-xứ để độc-giả tiện kiểm-điểm lại.

3) Phàm những bản phiên-âm chữ nôm hay là những bản sao-lục quốc-ngữ, nếu thấy chỗ nào hoặc do chữ nôm khó hiểu, hoặc do tiếng cổ ít dùng, hoặc do sự sao chép đáng ngờ, đều xin đánh dấu hỏi ở bên để tồn-nghi, đợi sẽ khảo sau và mong các bậc cao-minh chỉ-giáo.

4) Các tác-giả đời Tây-sơn, nhà nào có đủ tài-liệu thì ở tiểu-sử xin nói kỹ, còn thì xin chịu cái lỗi sơ-lược để đợi một ngày sáng sửa thuận tiện hơn. ¹

5) Như nhan nó đã nêu, sách này chỉ nằm trong phạm-vi quốc-văn đời Tây-sơn (1778-1802) nên mấy tác-giả đời ấy, như Phan-huy-Ích, Nguyễn-hữu-Chỉnh, dầu có tác-phẩm bằng Hán-văn, nhưng chỉ được kể ra tên sách hoặc tên bài để cung làm tài-liệu bị khảo, chứ không dùng làm đối-tượng nghiên-cứu.

6) Đối với các bài văn cổ đời Tây-sơn, ngoài sự chú-thích cho dễ hiểu, nếu gặp bài nào quá dài như « Ai-tư-văn », v.v... tôi xin mạo-muội chia phần và nêu tiểu-đề để tóm ý từng đoạn cho dễ nhận xét.

7) Vì phải thu gọn trong khuôn-khổ một cuốn sách nhỏ, nên có nhiều văn đời Tây-sơn buộc phải trích-lược ², hoặc chỉ dẫn được đầu-đề ³, xin đọc-giả lượng thứ.

LỜI ĐẦU

Nhà Tây-sơn (1778-1802)⁴, do mấy anh em « áo vải », đáp theo tiếng gọi của thời-đại, tiếng gọi của dân-chúng, chỗi dậy với bao hào-khí, hùng-tâm, giữ vững được tự do, chủ-quyền và lãnh-thổ của Việt-nam, suốt từ Nam-quan đến Gia-định.

Về chính-sự cũng như về võ-công, đời Tây-sơn có nhiều rực rỡ lắm. Chẳng thế, từ khi quật-khởi (1771) đến lúc bại vong (1802), trong vòng thời-gian ngắn ấy, bắc quét được Mãn-thanh, nam đuổi được Xiêm-la, tây phục được Miên, Lào, thống-nhất Trung, Nam, Bắc, trước đó chưa từng có trong lịch sử Việt-nam.

Một triều-đại đầu hưởng-thụ ngắn-ngủi, nhưng kinh-tế có tổ-chức, chính-trị có tổ-chức, quân-sự có tổ-chức, xã-hội có tổ-chức, không lẽ trên trang văn-học lại không có nét gì đặc-biệt đáng ghi ?

Nghĩ vậy, trong vòng ngót hai mươi năm nay, tôi vẫn đề tâm khảo-cứu đến đoạn lịch-sử Tây-sơn là một triều đại bị phe chiến-thắng xóa nhòa gần hết : đào mả, tán xương, tru-di giống-nòi, rất đổi niên-hiệu Cảnh-thịnh trên chuông đồng và tờ nhan ngoài bộ ĐẠI-VIỆT SỬ-KÝ khắc đời Tây-sơn cũng bị đục bỏ, xóa đi cho tuyệt dấu tích !

Thời gian khảo-cứu dần dần mang lại cho tôi một vài tia sáng : càng đi sâu vào lịch-sử Tây-sơn, càng thấy có cái đặc-điểm văn-học : trọng-dụng quốc-văn.

Phải, một triều-đại đã có nhiều sáng-kiến về kinh-tế (như việc đòi lập nha-hàng ở Nam-ninh thuộc Quảng-tây), về võ-bị (như việc bắt-buộc đầu quân), về chính-trị (như việc làm thẻ tín-bài) như kia, thế nào chẳng có cái đáng chú-ý về văn-học ? Thì một việc yêu tiếng mẹ đẻ, trọng-dụng quốc-văn đủ nêu cao viết lớn những chữ vàng trên tờ văn-học sử của thời đại ấy.

Đã tìm được phương-hướng, tôi cứ lần bước trong « tiểu-thụ lâm » quốc-văn Tây-sơn, nay đã có thể nói với các bạn thân mến rằng đời Tây-sơn cũng trội về quốc-văn và QUỐC-VĂN ĐỜI TÂY-SƠN đã chiếm được một địa-vị quan-trọng trên trang sử văn-học thuần-túy Việt-nam cận-đại.

Nhà Tây-sơn sớm sụp đổ, đến nỗi những đặc-điểm về văn-học ấy, cũng như các sáng-kiến về mọi phương-diện khác, tuy không kịp phát-triển được rộng, ăn rễ được sâu, nhưng cái « cây » quốc-văn đã vun trồng trong khoảng hơn hai mươi năm đó cứ theo thời-gian, chống với gió sương, dạn cùng giông-tổ, vượt bao chật-vật khó-khăn để đến ngày nay, đi kịp tư-trào thế-giới, rèn thành một thứ lợi-khí cho Việt-nam xây-dựng một nền văn-hóa dân-tộc, khoa-học và đại-chúng.

Mồng sáu tháng giêng 1950

Tác-giả

PHẦN THỨ NHẤT : LỊCH-SỬ QUỐC-VĂN ĐỜI TÂY-SƠN

Chương 1 : Tây-sơn lên cầm chính-quyền, có ảnh-hưởng đến quốc-văn thế nào ?

Từ thế-kỷ thứ XVII, Việt-nam thành một cục-diện địa-phương cát-cứ : từ sông Gianh (Linh-giang) ra Bắc, gọi là Bắc-hà, nhà Trịnh ⁵ vịn họ Lê, cầm quyền thống-trị ; từ sông Gianh vào Nam, gọi là Nam-hà, nhà Cựu-Nguyễn ⁶ làm chúa ở Thuận, Quảng ⁷, riêng nắm chính-quyền.

Đến cuối thế-kỷ XVIII, nhất là từ năm kỷ-sửu (1769) trở đi, suốt nước rối loạn, đói kém, nhân dân điêu-đứng lâm-than ; quốc-nạn ngày một trầm trọng.

Anh em Tây-sơn, Nguyễn-Nhạc và Nguyễn-Huệ, với áo vải, cờ đào, nhân thời-thế, nổi lên từ năm tân-mão (1771).

Qua năm mậu-tuất (1778), Nguyễn-Nhạc lên ngôi hoàng-đế ở Qui nhơn, đặt niên-hiệu là Thái-đức.

Ta nên nhớ rằng trong buổi loạn-lạc, những người có thủ-đoạn, thường bỏ bút-nghiên, tập cung-kiếm, chứ không mấy khi giữ lễ-lối, do khoa-cử mà xuất-thân. Cho nên từ anh em Tây-sơn đến các tướng ở bên vua Thái-đức bấy giờ hầu hết là những tay quân-nhân thượng-võ.

Hán-văn, đối với họ, có thể bị coi là những món xa lạ, không sát thực-tế. Vậy nên quốc-văn bấy giờ, vì nhu-cầu của thời-đại, vì sở-năng của cá-nhân, đã được đóng một vai trò lịch-sử khá quan-trọng.

Chứng-cớ là vua Thái-đức từ khi lên ngôi (mậu-tuất, 1778) đến năm mậu-thân (1788) đã mười một năm đăng-đăng, rất có đủ thì-giờ để tuyển dùng những nhà túc-nho, những tay khoa-bảng làm việc thảo sắc-thư, viết chiếu-chỉ ; nhất là Bình-vương Nguyễn-Huệ, bấy giờ đang làm đại-nguyên-súy, tổng-quốc-chính, rất có đủ điều-kiện và quyền-lực mà « động-viên » hết cả những bậc thông-nho ở khu « ảnh-hưởng » của Tây-sơn để nhờ giúp việc văn-hàn từ-lệnh. Vậy mà tờ chiếu do Bình-vương Nguyễn-Huệ gửi cho La sơn phu-tử Nguyễn-Thiệp (1) đề năm Thái-đức thứ mười một (1788), cũng viết bằng chữ nôm. Nguyên-văn như dưới đây :

« Chiếu truyền La-sơn phu-tử Nguyễn-Thiệp khâm tri ⁸ : Ngày trước ủy cho phu-tử về Nghệ-an tướng địa làm đô cho kịp kỳ này hồi-ngự ⁹ . Sao về tới đó chưa thấy đặng việc nhĩ ? ¹⁰ . Nên hãy giá-hồi Phú-xuân kinh, hưu-tức sĩ-tốt ¹¹ . Vậy chiếu ban hạ, phu-tử tảo-nghi dữ trấn-thủ Thận cộng-sự, kinh chi, doanh chi ¹² , tướng địa tu đô tại Phù-thạch hành-cung sao hậu cận sơn. Kỳ chính-địa phỏng tại dân-cư chi gian hay là đâu cát-địa khả đô, duy phu-tử đạo-nhẫn giám định, tảo tảo tốc-hành ¹³ . Ủy cho trấn-thủ Thận tảo lập cung-điện, kỳ tam nguyệt nội hoàn-thành, đặc tiện giá ngự ¹⁴ . Duy phu-tử vật dĩ nhàn hốt thị ¹⁵ . Khâm tai ! Đặc chiếu ¹⁶ . Thái-đức thập nhất niên ¹⁷ lục nguyệt, sơ nhất nhật ». ¹⁸

Vua Quang-trung (1788-1792), trong năm năm trị-vì, hai năm đầu còn phải đấu-tranh bằng quân-sự, rồi bằng ngoại-giao để chiến thắng Mãn-thanh về hai phương-diện ấy mà giành lấy độc-lập, giữ trọn tự do ; đến vài năm sau lại lo chấn-chỉnh vũ-bị, định đánh Mãn-thanh, đòi đất Lưỡng-Quảng. Thế nghĩa là trong khoảng thời-gian ngắn-ngủi ấy, tâm-lực vua Quang-trung hầu chuyên-chú cả vào một việc đối-ngoại. Dầu vậy, công-cuộc nội-trị của ngài cũng có nhiều đặc-sắc. Riêng một việc trọng-dụng quốc-văn đủ làm đại-biểu cho những đặc-điểm ấy.

Ngoài cái chứng-cớ chắc-chắn bằng bức chiếu-văn gửi cho La-sơn phu-tử như đã thấy rõ ở trên, các truyền-văn và dã-sử còn cho ta biết thêm :

1) Mỗi khoa thi, cứ đệ tam trường (kỳ thứ ba), các sĩ-tử phải làm thơ phú bằng quốc-âm. ¹⁹

2) Nhờ danh-sĩ Nguyễn-Thiệt dịch *kinh, truyện* ra tiếng nôm, nhưng Thiệt mới dịch được một ít, thì triều Tây-sơn đổ, nên những dịch-phẩm ấy đều bị tiêu-hủy hết.

Đến đời Cảnh-thịnh (1793-1800), nhiều nhà khoa-bảng rất giỏi Hán-văn như Phan-huy-Ích, Ngô-thì-Nhậm, Nguyễn-huy-Lượng tuy vẫn đang đứng ở trong triều, thế mà những việc quan-trọng như dụ quận Diêu, quận Dũng, dụ quân-dân thành Qui-nhơn và tế Hoàng thái-hậu, v.v... cũng thường thấy viết bằng quốc-văn cả, đủ biết đến triều Cảnh-thịnh (1793-1800), Bảo-hưng (1801-1802), quốc-văn đã chiếm được địa-vị lớn-lao là thế nào rồi.

Cái cố quốc-văn được trọng-dụng, xu-hướng quốc-văn được bùng nổ ở đời Tây-sơn như vậy, tưởng cũng dễ hiểu.

Trong mấy lần Bắc-thuộc, phe chiến-thắng vì muốn giữ vững địa-vị thống-trị, bảo-vệ quyền-lợi của mình, thường dùng những thủ-đoạn tàn-khốc như tiêu-diệt văn-hóa của đối-phương, xóa-nhòa tinh-thần dân-tộc của nước bị-trị, để một mặt thì dân bị-trị ấy ngoan-ngoãn thu-hút lấy món giáo-dục ngu-dân, một mặt thì vất-vưởng bấp-bênh như cây đứt gốc, khó lòng cựa lên mà giành được cái quyền sống còn ở dưới ánh-sáng mặt trời. Cho nên hồi Minh đô-hộ (1414-1427), chúng đã cướp hết đồ-thư điển-tịch của ta từ Trần về trước, rồi chúng nhồi sọ cho ta bằng những TỬ-THƯ ĐẠI-TOÀN, TÍNH-LÝ ĐẠI-TOÀN ; đồng thời lại cấm dân ta không được cắt tóc, bắt đàn-bà con gái ta phải mặc áo ngắn, quần dài, theo lối ăn mặc của người Minh.

Mấy triều-đại tự-chủ tuy giữ được chủ-quyền về chính-trị và văn-hóa, nhưng còn những dây liên-lạc với Trung-quốc rất khăng-khít, chưa thể một sớm đã dễ phục-hưng về mặt tinh-thần, nên mãi đến cuối Lê thì tính-chất dân-tộc mới thật chớm nở.

Đến đời Tây-sơn, Nguyễn-Huệ từ đám bình-dân « áo vải » chỗi dậy, có tinh-thần một nhà cách-mệnh, đủ tư-cách một tay lãnh-đạo, nên về phương-diện văn-hóa, vua Quang-trung đã sáng-suốt hơn ai hết : trọng-dụng quốc-văn, vạch rõ con đường tiến tới : phải đi sát với thực-tế, phải gần-gũi với bình-dân để thích-hợp với nhu-yếu của nhân-dân và ăn nhịp với xu-thế của thời-đại. Sau năm năm trị-vì, dầu cá-thể vua Quang trung đã mất đi, nhưng cái đà

của quốc-văn cứ do đó mà tiến-triển. Vậy nên đến đời Cảnh-thịnh, Bảo-hưng thì cái xu-hướng quốc-văn đã lên cao, cứ việc nở bùng, lan rộng.

Chương II : Hưởng phần « hương-hỏa » quốc-văn từ cuối Lê

Quốc-văn đời Tây-sơn không phải bột-phát, mà là tiệm-tiến, nghĩa là không vượt bậc, nhưng cứ theo trình-tự mà tiến-hóa lên.

Việt-nam là một nước theo học Hán-văn đã lâu đời, tất nhiên, một triều-đại dù có nhiều đặc-điểm và sáng-kiến như Tây-sơn cũng không phải một sớm một chiều gây thành cái phong-trào quốc-văn bùng-bột ngay được. Tất phải từ trước tiến dần, đến khi gặp nhiều điều-kiện thuận-tiện, nó mới mạnh-mẽ phát-triển.

Nay muốn xét xem Tây-sơn đã được thừa-hưởng cái phần « hương-hỏa » quốc-văn như thế nào, ta nên đi ngược thời-gian, ngó sơ trình-tự tiến-triển của quốc-văn trước triều-đại ấy.

Nên chia văn-học Việt-nam làm hai loại : một là văn-học Hán-Việt, hai là văn-học thuần-túy Việt-nam.

Bên loại văn-học Hán-Việt, bắt đầu vỡ lòng từ hồi nước Văn-lang bị Triệu Vũ-vương (207-137 trước Công-nguyên) chiếm-cứ đến năm 1918 bãi thi hội ở Trung-kỳ, đã chép thành một pho Việt-nam cổ-văn-học-sử, ta phải kể loại văn-học thuần-túy Việt-nam là chính, là gốc.

Loại văn-học thuần-túy Việt-nam này bắt nguồn từ tục-ngữ ca-dao, phôi-thai ở Nguyễn-Thuyên (tức Hàn-Thuyên), Nguyễn-sĩ-Cổ đời Trần (1225-1293), rồi hình-thành ở mấy triều-đại sau, vì lúc-đó có một số nhà văn, nhà thơ có tác-phẩm hoặc dịch-phẩm bằng tiếng Việt.

Đến đời Lê-trung-hưng (1592-1789), quốc-văn theo trình-tự tiến dần, đã có cơ khởi-sắc đôi chút.

Ở Nam-hà, Đào-duy-Từ (1572-1634) có bài NGỌA LONG CƯƠNG sánh mình với Chu-cát-Lượng, Nguyễn-cư-Trinh (1716-1767) có bài SÃI-VÃI, làm năm 1750 (đời Nguyễn Vũ-vương) là một bài về đặt theo lối đối-thoại.

Ở Bắc-hà, quốc-văn khá hơn, theo tương-đối ở bấy giờ :

Ngoài dịch-phẩm CHINH-PHỤ NGÂM của Đoàn-thị-Điểm (tiền bán-thế-kỷ XVIII), Nguyễn-bá-Lân (1701-1785) có bài *Giai-cảnh hứng tình phú* và bài *Ngã ba Hạc phú* ; chúa Trịnh-Căn (1682-1709), viết tập NGỰ ĐỀ THIÊN-HOÀ DOANH BÁCH VỊNH có cả thơ nôm ; chúa Trịnh-Sâm (1742-1782), trong TÂM THANH TỒN DỤY TẬP, cũng có cả thơ nôm.²⁰

Quốc-văn bấy giờ chẳng những chỉ là văn chơi, khiểnh trong khi quên hương trà, nóng men rượu, mà dần dần đã đóng một vai khá khá, được đưa dùng vào « việc triều-đình », chẳng hạn như hồi tháng năm, năm Cảnh-hưng thứ 16 (1755), các quan-liêu bên Vương-phủ đã dùng thơ quốc-văn làm đồ mừng về việc vợ cả chúa Trịnh được kim sách phong làm chính-phi :

« Tần-tảo ²¹ bấy nay hợp đạo thường.
Tiếng khen còn nghĩ ²² giá Nhâm ²³, Khương. ²⁴
Tài gồm có đức nên nhuần tốt,
Gấm cấy (?) thêm hoa mới rỡ-ràng.
« Cù mộc » ²⁵ thơ còn in vẻ ngọc,
« Kê minh » ²⁶ thiên hải ²⁷ tạc phen (?) vàng.
Khôn tam ²⁸ danh cây trong muôn việc.
Kiền ngũ ²⁹ ngồi xem máy sửa-sang, ³⁰
Việc ngoài cây đã sửa-sang,
Giúp trong thêm cây đởm-đương gia-tề. ³¹
Sắc-cầm đạo nổi (?) tiếng hòa,
Khi ca Lân-chỉ ³², khi đề Chung-tư ». ³³

(Phiên âm theo bản chữ nôm trong « QUỐC-ÂM THI-CA TẬP-LỤC », sách viết trường Bác-cổ, số Ab 296).

Năm kỷ-sửu (1769), nắng lâu không mưa, đồng ruộng tiêu khô, có nạn mất mùa đói kém đe dọa, nên suốt từ triều-đình đến dân-dã, ai cũng lo-lắng băn-khoăn. Bỗng một trận mưa « thuận mùa » trút xuống, làm cho các triều-thần đều vì nông-dân mà mừng, vì « bề trên » mà ca-tụng.

Trước cái quan-niệm « nước lấy nông làm trọng, dân lấy ăn làm trời » ấy, họ có làm một bài thơ « mừng mưa » ³⁴ dâng lên Triều-đình để ghi mừng một việc có liên-quan đến mạng sống nhân-dân và căn-bản nhà nước. Bài ấy cũng được viết bằng quốc-văn :

« Tinh-thành đâu dám thấu u-huyền. ³⁵

*Cam-vũ³⁶ đều nhờ sức cán-tuyền.³⁷
Một trận dôi-dào³⁸ nhuần Thuần dã,³⁹
Muôn phương hớn-hở khắp Chu điền.⁴⁰
Cơ-mầu cảm-cách câu « như hưởng »,⁴¹
Điềm ứng phong nương vận « hữu niên ». ⁴²
Khôn biết lấy chi phu thượng đáp,⁴³
Gìn lòng kính-cẩn, dám khi quên ». ⁴⁴*

Coi vậy đủ thấy từ đời Lê trung-hưng, quốc-văn đã kèn lên, cựa dậy, chiếm được địa-vị nho nhỏ trên đàn văn-học Việt-nam rồi.

Tây-sơn lên cầm chính-quyền, quốc-văn theo cái đà ấy tiến được bước dài, nêu được đặc-điểm lịch-sử.

Có thể nói quốc-văn như một cây to, mọc mầm từ tục-ngữ ca-dao, nảy chồi đâm rễ ở đời Trần, thành cây vào cuối Lê, nhưng đến Tây-sơn, gặp tiết xuân ấm, mưa hòa, cây đó mơn-mởn nảy cành trổ lá.

Chương III : Quốc-văn được dùng trong việc hiệu-triệu tướng sủng

Như ta đã thấy ở chương nhất, quốc-văn đời Tây-sơn đã chiếm được địa vị quan-trọng, chẳng hạn : năm mậu thân (1788), dùng để viết chiếu cầu hiền⁴⁵. Từ chương này trở đi, ta lại sẽ thấy quốc-văn đương-thời được dùng vào quân-quốc trọng sự, như việc hiệu-triệu các tướng sủng xem ở chương ba này, việc điển-lễ tế-tự⁴⁶, việc hiếu-dụ quân-dân

⁴⁷, thì biết quốc-văn bấy giờ đã phát-triển đến một trình-độ nào rồi.

Nguyên từ năm giáp-dần 1794 các tướng nhà Tây-sơn, nhân dịp vua Cảnh-thịnh (793-800) ⁴⁸ hãy còn thơ-ấu, quốc-gia đang buổi nghiêng-ngửa chông-chên, bèn chèn bấy nhau, tàn-hại nhau để tranh quyền-bính. Trần-quang-Diệu đang vây Diên-khánh hay tin Vũ-văn-Dũng làm mưa làm gió ở triều-đình, giết cha con Bùi-đắc-Tuyên, bắt giam Ngô-văn-Sở, liền lật-đật rút quân về đóng ở phía nam sông Hương để uy-hiếp Văn-Dũng.

Vua Cảnh-thịnh phải sai người đi úy-lạo, phủ-dụ hòa-giải cả quận Diệu lẫn quận Dũng bằng một bài chiếu đề là DỤ NHỊ SÚY QUỐC-ÂM CHIẾU-VĂN ⁴⁹, do tiến-sĩ Phan-huy-Ích ⁵⁰ thảo năm giáp-dần (1794) :

« Chiếu thiếu-phó Diệu quận-công Trần-quang-Diệu, tư-đồ Dũng quận-công Vũ-văn-Dũng khâm tri : Nhị khanh ⁵¹ là huân cựu-đại-thần ⁵², quốc-gia trụ thạch ⁵³, người thì phụng-tuân cố-mệnh ⁵⁴, bảo dục trẫm cung ⁵⁵; người thì chuyên-chế Bắc-thành, bình-hàn vương-thất ⁵⁶. Trẫm vốn lấy làm cổ quảng tâm lữ, đãi dĩ chí-thành. ⁵⁷

« Khoảnh nhân biên-sự khổng-cức ⁵⁸, trung lao khanh đẳng động binh vu ngoại ⁵⁹. Như nay thổ-trí đồn-ngũ đã rồi, mà hồi-triều nghị-sự, cùng lo tính thủy-bộ cơ nghị, dĩ đồ hậu cử ⁶⁰, để cho thượng hạ chi tình tương-đạt ⁶¹, thì cũng là phải. Dầu là chưa có triều mệnh, mà đã thiện-hồi ⁶², mà

cũng chẳng qua cấp ư quốc-kế, lược ư lễ-văn ⁶³, trẫm cũng chẳng hà-trách những điều tể-quá ⁶⁴. Bỗng nay hai khanh tự hoài-nghi cụ, cách hà ứng binh, bất lai triều yết ⁶⁵. Tăng dĩ lũy ban dụ-chỉ, hãy còn suy thác trì hồi ⁶⁶ ! Trong quân-thần phận nghĩa mà tự xử dường ấy, khanh chẳng nghĩ đã yên lòng hay chưa ?

« Trẫm thanh-niên lẫm chính ⁶⁷ đường thành-tín ngự-hạ có điều chưa được tổ-phu ⁶⁸, khiến tới nỗi những kẻ huân-cựu dường ấy, còn phải quả-ngại vu tâm ⁶⁹, ấy cũng là trẫm tri quá thất. ⁷⁰

« Tưởng nay đang buổi tông-thành thất-thủ, kinh-địch tại tiền, dầu quân-thần-đồng tâm mưu lược do khùng phát cập ⁷¹, bỗng lại gây nên nội-loạn ⁷² thì nữa quốc-sự làm sao !

« Ví như trẫm chẳng suy lượng bao-hàm ⁷³, lại có lòng tường-hại tướng-thần ⁷⁴, ấy là tự tiến kỳ vũ dục, thế ắt nguy-vong lập kiến ⁷⁵. Mà khanh chẳng dĩ binh hiếp chế, khiến cho chủ-bính hạ di, đại-cương vẫn xuyên ⁷⁶, thì cũng chung-quy loạn-vong. Thử nghĩ hai nhẽ ấy, trẫm an-nhiên vì chi hồ ? Khanh chẳng an-nhiên vì chi hồ ? ⁷⁷

« Dầu như khanh chẳng còn ngại tiếng « phạm thượng » mà lại bất năng thích nghi ⁷⁸, thiên tương nội-đạo viên-quân tầm lộ tha khứ ⁷⁹ để đến nỗi nhân-tình hung-động ⁸⁰,

địch-quốc ngoại thừa ⁸¹, thì tận-khí tiền-công, thùy nhậm kỳ cứu ? ⁸²

« Trẫm thừa tông-miếu xã-tắc chi trọng ⁸³, nhị khanh vi triều-đình đồng cán chi thần ⁸⁴, nhể đâu lưỡng tương nghi trở ⁸⁵ sự biến hoạn sinh ⁸⁶, chẳng là di tiểu thiên-cổ ⁸⁷ vậy du ?

« Sở nhật lai phản phúc tư duy ⁸⁸, tẩm thiện câu giảm ⁸⁹, tưởng chưng quốc-gia đại-kế hệ tại tư tu ⁹⁰. Vậy đã khai thành trì dụ ⁹¹, mà khanh đẳng còn chưa khai thích, trẫm vưu bất-an vu tâm ! ⁹²

« Vả, kinh lãm khanh đẳng biểu nội ⁹³, sở chư thố-trí các điều cũng là đương hành-sự nghi ⁹⁴, song khanh đẳng còn đối khuyết liệt binh, vị lai triều yết ⁹⁵ thì quân-thần chi nghĩa chưa được minh-chính ⁹⁶. Như trong nước mà chưa thuận đạo, quân-thần hầu dễ lo đường chính-sự làm sao ?

« Dầu như khanh đẳng muốn rằng tiên y tấu-biểu, hậu thủy xu-triều ⁹⁷, thì ra quân nhược thần cường ⁹⁸, cương-thường diên-đảo, dầu có chính-sự cho hay, thi-hành sao đẳng ? Như thế lấy làm binh-gián ⁹⁹, e chưa hợp trong sự thể.

« Khanh đẳng đã thực lòng ái-quốc thì tua ¹⁰⁰, giữ đạo tôn-thân ; thể lòng trẫm suy thành đãi-ngộ ¹⁰¹, sớm nên thích kỳ hiềm-nghi ¹⁰², qui triều tạ quá mà hãy phu-trần sự lý ¹⁰³. Như việc binh-nhung nên khu-xử những làm sao ¹⁰⁴,

trong quan-liêu nên tiến-thoái những làm sao ¹⁰⁵, cùng triều-thần thương-nghị rồi thì thỉnh chỉ phụng hành ¹⁰⁶, ngõ cho thượng hạ tình thông ¹⁰⁷, thứ sự tự tự ¹⁰⁸, để giúp nhà nước chùng cơn này, phương ngưỡng phó Tiên-hoàng-đế chi di-thác ¹⁰⁹, bất phụ trẫm-cung chi ý tử dã. ¹¹⁰

« Phu-bố trung-khúc ¹¹¹, bất tích phiên-ngôn ¹¹². Nhị khanh kỳ thực tư chi. ¹¹³

« Khâm tai ! Đặc chiếu ». ¹¹⁴

Chương IV : Quốc-văn dùng trong việc tế-lễ thiêng-liêng

Ngày hai mươi chín tháng bảy ¹¹⁵ năm nhâm-tý (1792), vua Quang-trung, miếu-hiệu là Thái tổ Vũ hoàng-đế, mất. Trong việc tang ngài, nhà Tây-sơn đã dùng quốc-văn làm văn-tế. Bài văn-tế ấy, gần đây, đã có nhiều sách báo in ra quốc-ngữ và cho là do Ngọc-Hân công-chúa, vợ vua Quang-trung, soạn ra. Nhưng hiện nay chưa đủ tài-liệu để phê-phán xem nguyên-văn có đúng chắc và có quả thật tác-giả là Ngọc-Hân công-chúa, nên bài này xin nay tạm gác, chưa dám dẫn ra đây. Dầu vậy, đó cũng là một chứng-cớ tỏ rằng quốc-văn bấy giờ đã quý-giá, được dùng vào những việc thiêng-liêng hơn hết, trịnh-trọng hơn hết, như việc điện-tế một vị anh-hùng dân tộc đã có công lớn đánh đuổi giặc Thanh xâm-lược, giữ vững độc lập cho Việt-nam.

Mùa đông năm kỷ-mùi (1799), thứ-mẫu vua Cảnh-thịnh là bà Ngọc-Hân – truy-tôn là Nhu-ý-trang-thận-trinh-nhất

Vũ hoàng-hậu ¹¹⁶ qua đời ¹¹⁷, quốc-văn cứ theo mực ấy mà tiến, được nhà nước dùng làm văn tế đọc trong những dịp tế-điện, tế-điếu vị hoàng-hậu của cái triều-đại bấy giờ còn nhất-thống, còn hùng-cường.

- Bài thứ nhất, đọc trong tuần-tế do vua Cảnh-thịnh « chịu chén ». ¹¹⁸

- Bài thứ hai, đọc trong dịp lễ-điện do các công-chúa là các con gái vua Quang-trung đứng tế.

- Bài thứ ba, đọc trong tuần-tế do bà Từ-cung Nguyễn-thị-Huyền, quê ở Phù-ninh (nay thuộc Bắc-ninh), là mẹ đẻ Ngọc-Hân Vũ hoàng-hậu, đứng viếng.

- Bài thứ tư, đọc trong tuần-tế do những người trong hoàng-tông nhà Lê, là anh em thân-thuộc với Vũ hoàng-hậu, tỏ tình ai-điếu.

- Bài thứ năm, đọc trong buổi tế điện do các bà con họ ngoại bên Phù-ninh (quê mẹ của Vũ hoàng-hậu) đứng chia buồn.

Tất cả năm bài văn tế nôm ấy đều do Dụ-am Phan-huy-Ích, một vị nho-thần, đỗ tiến-sĩ, đã từng đi sứ Mãn-thanh, đứng soạn, và đều chép theo thứ-tự trong DỤ-AM VĂN-TẬP, quyển 7, từ tờ 10b đến tờ 15b, chưa từng in ra quốc-ngữ bao giờ.

Nay xin hãy phiên-âm và chú-giải bài thứ nhất đầu đề là « *Kỷ-mùi đông, nghĩ Ngự-điện Vũ hoàng-hậu tang, quốc âm văn* » (mùa đông năm kỷ-mùi (1799) nghĩ đỡ nhà vua bài văn quốc-âm để tế điện Vũ hoàng-hậu ¹¹⁹ :

« Than ôi ! Nguyệt in phách-quế, mái trường-thu¹²⁰
vừa giải vẻ lầu-lầu. Sương ủ hồn hoa ; miền thượng-uyển¹²¹
, chợt phai (?) mùi thoảng-thoảng¹²². Nẻo chân-du¹²³
quạnh-quẽ biết đâu tìm ! Niềm vĩnh mộ¹²⁴ băng-khuâng
hằng trạnh-tưởng ! Giọt ngân phái¹²⁵ câu nên¹²⁶ vẻ quý,
duyên hảo-cầu¹²⁷ thêm giúp mỗi tu tề¹²⁸. Khúc Thư-châu¹²⁹
thổi (?) sánh tiếng hòa, khuôn nội-tắc¹³⁰ đã gây nền
nhân nhượng¹³¹. Rành rành bút đỏ¹³² dua thơm, Chói chói
sách vàng¹³³ tỏ rạng. Hồ Đình¹³⁴ ngậm-ngùi cung nọ¹³⁵
sắp rắp (?) chìm châu nát ngọc đã từng nguyên ; Cung
khôn¹³⁶ bận-bịu gối nao¹³⁷ ếp vì (?) vun quế quên lan nên
hải gượng¹³⁸. Tự xung linh¹³⁹ hay gìn-giữ hiếu tư¹⁴⁰.
Vâng từ-đức¹⁴¹ cũng thỏa vui vinh-dưỡng¹⁴². Nỗi tiên-chí¹⁴³
vậy dốc bề tri kính¹⁴⁴, dấu sân huyên đòi chốn xum vầy¹⁴⁵.
Cảm mẫu nghi¹⁴⁶ mà thay buổi thừa hoan¹⁴⁷, vẻ áo vi
xưa kia mừng-tượng¹⁴⁸. Mong thẻ tiên trùng trập thêm
cao¹⁴⁹. Hiềm máy tạo so le khôn lượng¹⁵⁰. Sương nắng
bấy chầy ngăn trường thúy, bắn-khoảnh cơn bữa ngọc, lò
đan¹⁵¹. Gió mây xẩy phút lối xe loan, khơi diễm nẻo non
Bồng, vườn Lãng¹⁵². Lễ theo tình, tròn cuộc mấy cam¹⁵³.
Đức so thọ, lệch cân chưa đáng¹⁵⁴. Dầu ngự đoái di-thể sữa
măng vài chút, lòng quyên linh¹⁵⁵ đành có vẻ-vang thêm
¹⁵⁶. Dầu ngự cảm cố khư¹⁵⁷ hương khói đòi châm (?), lệ ân
tuất¹⁵⁸ vốn còn nhuần gọi xuống¹⁵⁹. Ấy tắc vuông hằng

chăm một tín-thành ¹⁶⁰, Ất mảy chút cũng thẩu lên tinh sáng. ¹⁶¹

« Ôi ! Bóng quạnh nước mây, Thoi đưa ngày tháng !
Chồi tiêu lan ¹⁶² dường rã-rợi bên thềm ¹⁶³ ! Dấu cư vũ
bồng lạnh-lùng dưới trướng ¹⁶⁴ ; Nguyễn cũ hản nay lộn-
vẹn ¹⁶⁵, bên đan lẳng quanh-quất mạch liên châu ¹⁶⁶ ; Khí
thiên gìn (?) để đặc-dài, trong Thanh-miếu ngạt-ngào mùi
quán sưởng. ¹⁶⁷

« Rày nhân : Cách bánh liễu dư ¹⁶⁸. Bày hàng thể-
trượng ¹⁶⁹. Nhìn khâm vệ ¹⁷⁰ trạnh ngưng mỗi vẻ, dường u-
hiển xa lìa ¹⁷¹ ! Dâng điện-diên ¹⁷² gọi giải mấy nhời, mỗi
luân-thường sáng tỏ ¹⁷³. Hỡi ôi ! Cảm thay ! »

Chương V : Quốc-văn dùng trong quân-sự

Mùa hè năm bính-ngọ (1786), đức lệnh ¹⁷⁴ Nguyễn-Huệ
đem quân ra đánh Trịnh ở Bắc-hà. Tương truyền : ngài có
sai Nguyễn-hữu-Chỉnh ¹⁷⁵ thảo một bài hịch ¹⁷⁶ kể tội họ
Trịnh dưới cái danh-nghĩa là « thanh tội, trí thảo, diệt Trịnh,
phù Lê ». ¹⁷⁷

Bài hịch ấy viết theo thể văn biền ngẫu đối nhau, trong
có những vế như :

« Vả, bây giờ thần nịnh chúa hôn, gương bình-trị lòng
nên ắt muôn ¹⁷⁸ ; Lại gặp hội binh kêu dân oán, sửa kỷ-
cương tài cả phải ra ». ¹⁷⁹

Theo trình-tự mà tiến-triển, quốc-văn đến triều Cảnh-thịnh, được dùng vào quân-sự có tính-cách trang-nghiêm như lời nhật-lệnh, oai-hùng như bài hịch-văn. Chứng-cớ ấy thấy rõ ở bài « *Diệu quận quân-thứ quốc-âm hiểu-văn* » do Dụ-am Phan-huy-Ích vâng mệnh vua Cảnh-thịnh, làm vào mùa xuân năm canh-thân (1800), niêm yết ở Qui-nhơn là nơi quân-thứ của quận Diệu để hiểu-dụ quan-quân, dân chúng.

Nguyên Qui-nhơn trước là địa-bàn của Nguyễn-Nhạc. Năm quý-sửu (1793), quân bên cự-Nguyễn¹⁸⁰ vây bức thành Qui-nhơn. Nhạc sai con là Bảo chống cự lại, nhưng quân vỡ. Bảo thua chạy. Nhạc bấy giờ đang ốm, sai ruồi thư ra Phú-xuân để cáo-cấp.

Vua Cảnh-thịnh sai lũ thái-úy Phạm-công-Hưng, hộ-giá Nguyễn-văn-Huấn, đại tư-lệ Lê-trung và đại tư-mã Ngô-văn-Sở đốc-suất một vạn bảy nghìn (17.000) bộ binh, tám mươi (80) thớt voi và đại thống-lĩnh Đặng-văn-Chân đem hơn ba chục (30) chu sừ, chia làm năm đường vào cứu.

Quân Cự-Nguyễn cỡi vây, rút lui ; bọn Hưng vào thành Qui-nhơn. Nhạc sai đem một mâm vàng, một mâm bạc để khao quân. Hưng bèn tịch-biên kho dựn, thu lấy giáp binh, chiếm-cứ thành ấy. Nhạc uất-ức, hộc máu mà chết.¹⁸¹

Từ đó Qui-nhơn lại thuộc quyền thống-trị của vua Cảnh-thịnh.

Qua năm mậu-ngọ (1798), Nguyễn-Bảo (con Nguyễn-Nhạc) nổi cuộc phản-công, bắt tù Thanh-uyên hầu¹⁸² là

tướng của triều-đình Phú-xuân lưu lại để kiểm-chế Bảo, rồi Bảo chiếm-cứ thành Qui-nhơn, sai đô-đốc Đoàn-văn-Cát và Nguyễn-văn-Thiệu giữ Phú-yên ; sau lại đưa thư xin hàng bên Cựu-Nguyễn.

Nhưng quân Cựu-Nguyễn chưa đến thì binh Phú-xuân đã kéo tới bắt Bảo rồi.

Năm kỷ-mùi (1799), sau trận Bến-đá (Thạch-tân), Diêu, Dũng đều thua, Qui-nhơn lại bị Cựu-Nguyễn lấy được.

Từ năm ấy cái tên « Bình-định » do chúa Nguyễn-Ánh đặt cho để thay hai chữ « Qui-nhơn » mới bắt đầu thấy trên sử-sách.

Cuộc chiến-tranh ở thành Qui-nhơn này bước sang thời-kỳ kịch-liệt cũng từ khi thành ấy bị đổi tên làm Bình-định, do Chương Hậu-quân Vũ-Tính và Lễ-bộ Ngô-tông-Chu bên Cựu-Nguyễn cùng gánh trọng-trách trấn-thủ.

Để đi giành lại Qui-nhơn, Trần-quang-Diêu thiếu-phó Tây-sơn, từ ngày 21 tháng chạp năm kỷ-mùi (1799), tiến quân vào mặt nam.

Qua ngày 29 (tháng chạp năm kỷ-mùi, 1799) Diêu đến đèo Bến đá, chia quân làm ba đạo, lách núi non, vượt hiểm-trở mà thẳng tiến. Đến ngày mồng hai tết canh-thân (1800), Diêu bức thành Qui-nhơn, bao vây bốn mặt ¹⁸³, khiến Vũ-Tính và Ngô tông-Chu bên Cựu-Nguyễn đều phải chết theo thành.

Nhận được tờ biểu của quận Diêu để trong ống tre, cẩn niêm, dâng lên từ nơi quân-thứ, khi đã vây thành Qui-nhơn,

vua Cảnh-thịnh, như trên đã nói, có sai Phan-huy-Ích làm bài hiểu-văn bằng nôm này niêm-yết nơi quân-thứ của Diêu tại Qui-nhơn để vỗ-về yên-ủi lòng quân lính và dân-chúng.

Có xét rõ lai-lịch về việc Qui-nhơn như thế, ta mới hiểu thêm một đoạn lịch-sử ở đương-thời và khỏi bỏ-ngỡ những chỗ dụng-ý trong bài hiểu-văn (cũng viết theo thể văn biên ngẫu đối nhau) dưới đây :

« Nhất hiểu Qui-nhơn phủ : quan, quân, dân thứ đẳng tri : Tướng vâng quyền chế ngoại ¹⁸⁴, dẹp lửa binh mà trợ (giúp) lấy dân lành. Người sẵn tính giáng trung ¹⁸⁵, cỡi lưới ngược lại noi về đường thuận. Mấy lời cặn-kẽ ; Đòi chốn sum-vầy.

« Quý-phủ ta : Cội gốc nền vương. Dậy phen nhà nước. Miền thang mộc ¹⁸⁶ vốn đúc non gậy (?) bể, mở-mang bờ-cõi bởi từ đây ¹⁸⁷. Hội phong-vân ¹⁸⁸ từng diu phượng vin rồng, ghi tạc thẻ quyền ¹⁸⁹ đành dãi để. Dấu cờ nghĩa đã sáng công dực vận ¹⁹⁰. Buổi xe nhung thêm đồng sức cần vương. Mấy phen gió bụi nhọc con dòng ¹⁹¹, giúp oai-võ cũng đều nhờ đất cũ. Ba huyện đá vàng bền tấc dạ, cầm cự thù chi để đội trời chung. Tiệc ca phong ¹⁹² chăm nhận vừa yên. Vời tĩnh-hải tắm kinh lại động ¹⁹³ ! Đoàn ngoại-vũ lung-lăng quen thói, nương thế đèo, đường Bến đá chia ngăn ¹⁹⁴. Kẻ khốn ư ¹⁹⁵ dáo-dở nên lòng, phụ ơn nước, chốn thành vàng phút bỏ ¹⁹⁶ ! Nơi trọng-địa xảy nên gai góc. Lũ lương-gia ¹⁹⁷ lây phải lầm-than ! Kẻ thì sa vào thế hiểm tòng

¹⁹⁸, trót lỗ bước dễ biết đâu tránh thoát ? Kẻ thì quá nghe lời khu dụ ¹⁹⁹, dẫu cảm-hồn nào có kịp nản than ²⁰⁰. Giận vì địch thế hải buông tuồng ²⁰¹. Xót đến dân-tình càng áy-náy ! Trong một cõi, nổi hoành ly ²⁰² là thế, đầu tên trước đạn, nghĩ cỏ cây âu đã đổi màu xưa ; Trên chín lần, niềm trắc-ẩn dường bao, sớm áo, đêm cơm ²⁰³, mong đêm chiếu lại cùng êm nếp cũ ²⁰⁴. Chúc diển khấu ngựa vâng tiếng ngọc ²⁰⁵ ; Việc đồng nhung xa chỉ ngọn đào. ²⁰⁶

« Bản-tước nay ²⁰⁷ : chịu mạng đèn phong ²⁰⁸. Buông oai dinh liễu ²⁰⁹. Thế phân-đạo gấu giò (?) hùm thét, suối rừng pha (?) đồn lũy đã tan tành. Cảnh sơ-xuân ²¹⁰ hoa rước oanh chào, đất nước thấy quan-quân càng hớn hở. Súly-mạc vốn quyết bài tất thắng ²¹¹. Tông-thành âu hện buổi phục-thù. Ngẫm chúng-tình ²¹² đà quải-cách bấy lâu, sự biến ấy hoặc có người nghi cụ ²¹³ ; Vậ tướng lĩnh phải đĩnh-ninh đòi nhẽ, thân-cổ ta cho biết nẻo tòng, vi ²¹⁴. Nghiệm cơ giới đành thu góp về nhân ; Vâng ngôi thánh lấy chở che làm lượng. Bao nhiêu kẻ trót theo đảng dữ, như đã thích mê hồi thiện ²¹⁵, thì đều nơi chức-nghiep cũ cho yên. Hoặc mấy người riêng lắm (?) chí cao, mà hay nỗ-lực lập công, ắt lại chịu ân-thưởng nay càng hậu. Dẫu trước có hà-tỳ ²¹⁶, nào xá trách ; Ai sớm hay hối-ngộ ²¹⁷ thảy đều dung. Hội thanh-ninh ²¹⁸ đành trên dưới đều vui. Người Bái-quận ²¹⁹ ... (thiếu một chữ) móc mưa hiệp sái ²²⁰. Phương tị tự ví

kíp chầy chưa tỏ ²²¹, Thủa Côn-cương ngọc đá khôn chia ²²². Nghĩa cả mà nhằm. Lòng ngay xá giữ. Nay hiểu ». ²²³

Chương VI : Quốc-văn trong dân-gian

Triều Tây-sơn, từ khi nổi dậy đến lúc bại-vong, chỉ vên-vện vào vài chục năm ngắn ngủi. Trong thời-gian ấy, phải đương đầu với nhiều phe địch ghê-gớm ở trong nước, như nhà Cựu-Nguyễn ở Nam, họ Lê và họ Trịnh ở Bắc, ấy là chưa kể Mãn-thanh là một cường-địch ở ngoài. Cho nên, sau khi nhà Tây-sơn đã đổ, dân-gian thường thấy truyền-tụng những câu như :

« Đầu cha ²²⁴ lấy làm chân con, ²²⁵
Mười bốn năm tròn ²²⁶ hết số thì thôi ».

Và :

« Cha nhỏ đầu ²²⁷ con nhỏ chân, ²²⁸
Đến năm nhâm-tuất ²²⁹ thì thân chẳng còn ».

Đó là những câu hoặc ra từ miệng người bên Cựu-Nguyễn là phe chiến-thắng, hoặc ra từ chỗ dụng-ý của nhóm di-thần nhà Lê là phe kinh-địch. Họ cố-ý bịa-đặt thù-dệt sau khi sự-kiện đã xảy để tỏ cho dân-chúng biết rằng « vận-mệnh » nhà Tây-sơn ngắn-ngủi có bấy nhiêu, đừng ai « đại-dột » nghe bọn cô-thần vong-mạng của Tây-sơn mà làm cái trò « phiên-động » nữa nhé. Tây-sơn đã « tận-số » rồi, đừng có ai đoái-hoài thương-tiếc hay ngóng trông gì nữa đấy.

Nhưng, bên những tiếng của phe phản-đối ấy, còn có những câu đáng ghi khác.

Chương này hoàn-toàn khách-quan, xin cứ lượm-lặt những câu ca, bài hát lưu-hành ở nơi dân-dã đương-thời mà có dính-líu đến đoạn lịch-sử Tây-sơn để đánh dấu mấy nét quốc-văn trong dân-gian dưới triều-đại ấy :

1) Ở đằng trong, đời chúa Nguyễn Định-vương (1763-1778), quốc-phó Trương-phúc-Loan nhân dịp chúa thơ-ấu²³⁰, nước chông-chênh, bèn chuyên quyền làm loạn triều-chính.

Để chống lại chính-sách tham-bạo của kẻ quyền-thần, anh em Tây-sơn chỗi dậy từ năm tân-mão (1771), truyền hịch kể tội Phúc-Loan. Rồi Nguyễn-Nhạc đón lập hoàng-tôn nhà Cựu-Nguyễn, tên là Nguyễn-phúc-Dương, làm chúa để tiện hiệu-triệu nhân-dân và đương đầu với phe Quốc phó.

Mỗi khi thấy đến đâu, quân Tây-sơn thường hay rầm-rộ la-ó.

Để phân-biệt quân của hai phe ấy, dân-gian bấy giờ có câu : « *Binh (quân) Triều, binh Quốc-phó ; binh ó, binh Hoàng-tôn* ».

Thế nghĩa là quân Quốc-phó Trương-phúc-Loan là phe triều-đình Nam-hà, mà quân Hoàng-tôn Dương là phe Tây-sơn hay la-ó.

2) Nguyễn-Nhạc trước làm tuần biện lại, nên đời thường gọi là biện Nhạc. Nhạc có một viên tướng là Tứ-linh. Quân của tướng này gọi là quân Tứ-linh.

Từ năm tân-mão (1771), Nhạc quật khởi ở thượng-đạo ấp Tây-sơn (Qui-nhơn) ²³¹. Đến năm mậu-tuất (1778), thì lên ngôi, kỷ-nguyên là Thái-đức. Trong 8 năm ấy, đánh Cựu-Nguyễn, chống quân Trịnh, Nhạc tất phải « động-viên » số đông dân-chúng ở miền mình đã kiểm soát, nhất là Qui-nhơn, để dưới cờ có thể có một số binh khá đông ngỗ hầu mới ứng-phó được với tình-thế.

Trong các gia-đình quân-nhân, khi tiễn chồng đi trận, lòng chinh-phụ nào là chẳng « dặc dặc buồn », mắt chinh-phụ nào là chẳng hoen mờ ngấn lệ ! Lại thấy chồng phải trèo núi Cù-mông (ở Qui-nhơn) với bao vất-vả nhọc-nhăn, rồi dần dần chìm khuất trong lùm cây kẽ đá, người chinh-phụ càng « nhìn rặng núi » càng « ngẩn-ngơ nổi nhà », càng có thể òa lên mà than, mà khóc ! Cho nên bấy giờ dân-gian có câu :

*« Tiếng ai than khóc ní-non,
Là vợ chú lính trèo hòn Cù-mông ! »*

Trong sổ quân tại-ngũ của Biện Nhạc, khi tổ-chức chưa được chu-đáo, kỷ-luật chưa được chặt-chẽ, rất có thể có một tốp quân, chẳng hạn như quân Tứ-linh, thường làm việc trái phép, khuấy-nhiều đàn-bà con gái ở xung-quanh !
Mấy câu dưới đây là phản tưởng việc ấy :

*« Trách lòng Biện Nhạc, Tứ-linh,
Làm cho con gái thất kinh, hãi hồn ! »*

3) Hồi tháng bảy năm bính-ngọ (1786), công-chúa Ngọc-Hân, mỹ-hiệu là chúa Tiên, con gái thứ hai mươi mốt

vua Lê-Hiến-tôn (1740-1786), bấy giờ mới 16 tuổi, vâng mệnh vua cha, kết duyên với đức lệnh Nguyễn-Huệ.

Cuộc nhân-duyên này, theo sự nhận xét của người đời sau, là một chuyện đẹp anh-hùng giai-nhân gặp gỡ, nhưng đối với con mắt một số người đương-thời, nó lại là một đối-tượng dùng để mỉa-mai trào-phúng. Họ cho rằng việc gả chúa Tiên cho « đức lệnh » Nguyễn-Huệ chỉ là một gượng-gạo ép duyên, chứ không phải do sự se tơ kết chỉ của Thiên-tiên Nguyệt-lão. Mà Nam-hà ở tận góc biển chân trời xa tít, một sớm « đem con bỏ chợ » như thế thì biết bao giờ lại được sum-vầy ?

Nguyễn-thì-Thấu là con của Nguyễn-Thế và là bạn của Ngô-thì-Nhậm, đã từng làm quân-sư cho hai ông hoàng Lê-duy-Chút, Lê-duy-Mật, dấy quân ở Ninh-trấn, chống lại họ Trịnh, nay về ở ẩn, thấy chuyện hôn-nhân mà Thấu cho là ép thúi gượng loan ấy, bèn làm một bài « kỹ thuật thời-sự », trong có mấy câu cười cợt như :

*« Ngựa thồ thay mối xích thẳng,
Ông Tơ bà Nguyệt dẫu giăng, chẳng ra !
Một ngày một vắng quê nhà,
Sáng từng từng nhớ, tối tà tà trông... »*

4) Tháng mười năm nhâm dần (1782), Nguyễn-hữu-Chỉnh ²³² đang làm hữu-tham-quân ở Nghệ-an thì trong kinh-đô Thăng-long có việc quân Tam-phủ ²³³ nổi loạn. Chỉnh sợ vạ lây, phải đem cả gia-quyển vào Qui-nhơn, theo anh em nhà Tây-sơn.

Năm bính-ngọ (1786) đức-lệnh Nguyễn-Huệ cùng Chỉnh đem quân ra Bắc-hà, diệt Trịnh, phù Lê, rồi lại bỏ Chỉnh ở Bắc.

Sau, Chỉnh khi lưu trấn Nghệ-an, được vua Lê-chiêu-thống (1787-1789) vời vào kinh hộ-vệ và phong làm Bằng-trung công. Vì Chỉnh được phong tước là quận Bằng, nên người đời bấy giờ thường gọi Chỉnh là « con sáo ».

Khi đã đắc-chí ở Bắc-hà, Chỉnh lại tự đặt mình vào ngôi chúa Trịnh xưa : lập trại quân Vũ-thành, đóng tướng-doanh ở Trịnh-phủ, lập phủ « thế tử » cho con là Nguyễn-hữu-Du.

Thế là, sau khi được đức lệnh Nguyễn-Huệ đưa qua sông Gianh sang Bắc-hà, Chỉnh chẳng những bay nhảy dọc ngang, hiệu-triệu cả một nước cũ, lại sai sứ-bộ Trần-công-Sán vào đòi đất Nghệ an ngang-nhiên tranh-giành với Bắc-bình-vương Nguyễn-Huệ. Vì thế đương-thời có câu :

« Ai đem con sáo sang sông ?

Nên chi con sáo sổ lồng sáo bay ! »

Chương VII : Những đặc-tính của quốc-văn đương thời

Thừa-hưởng « hương-hỏa » từ Lê trung-hưng để lại, hình-thức quốc-văn đời Tây-sơn cũng không ngoài ba thể-tài : 1) Văn vần. 2) Văn biền ngẫu (đối nhau). 3) Văn xuôi.

1) Văn vần gồm có lục bát, lục bát gián thất, thơ tứ tuyệt và thơ bát cú.

- « **Lục bát** » là một thể văn vần trên sáu dưới tám chữ, như :

*« Đi cùng bốn biển, chín châu,
Về ngồi trong bếp, chuột chù gặm chân ! »*
(Nguyễn-hữu-Chỉnh)

- « **Lục bát gián thất** » hoặc « **song thất lục bát** » thường gọi tắt là « song thất » là thể văn vần mỗi tiết gồm bốn câu : hai câu bảy chữ, rồi đến câu sáu và câu tám. Thể này rất phát-đạt ở đời Tây-sơn. Ta thấy như CUNG-OÁN NGÂM-KHÚC của Ôn-như-hầu Nguyễn-gia-Thiều (1741-1798) và AI TƯ VẤN²³⁴ của Ngọc-Hân công-chúa :

*« Trãi vách quế gió vàng hiu hắt,
Mảnh vũ-y lạnh ngắt như đồng !
Oán chi những khách tiêu phòng,
Mà xui phận bạc nằm trong má đào ? »*
(Cung-oán ngâm-khúc)

*« Gió hiu hắt, phòng tiêu lạnh lẽo !
Trước thềm lan, hoa héo héo ron !
Cầu Tiên khói tỏa đỉnh non,
Xe rồng thăm-thẳm, bóng loan rầu-rầu... »*
(Ai tư vấn)

- « **Tứ tuyệt** » là thể thơ bốn câu, ba vần, mỗi câu năm chữ, hoặc bảy chữ, như :

*« Thân em thì trắng, phận em tròn,
Bảy nổi, ba chìm mấy (với) nước non.
Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn,
Mà em vẫn giữ tấm lòng son ».*
(Hồ-xuân-Hương)

- « **Bát cú** » là thể thơ tám câu làm theo Hàn-luật, tức là cách-luật Hàn-Thuyên, như :

« Hiên sách bằng trông mái bắc lân ²³⁵

Một đài bày đặt có thanh tân.

Lầu canh cơ-mật khua bên chái (?),

Tắc bóng cần-lao rợp nửa sân.

Tịch chứa (?) cầm thi hăm-hở chí, ²³⁶

Cửa chen đào mạn ²³⁷ dặt dìu xuân.

Màn viên ²³⁸ là chốn công-danh sẵn,

Sảnh các ²³⁹ mai kia nước bước dần ».

(Phan-huy-Ích « *Đề cai án Đặng-Tú tân-trạch* » : Đề nhà mới viên cai-án Đặng-Tú).

2) Văn Biền ngẫu hoặc **tứ lục** là thể văn câu bốn chữ, câu sáu chữ đặt xen nhau mà hai vế phải cân đối. Trừ phú và văn tế phải có vần, còn thì chỉ cần đối nhau, không cần vần. Văn biền ngẫu rất thịnh-hành ở đời Tây-sơn :

« Nhớ thừa việp vàng ra cõi Bắc, khúc hoàng sớm ứng duyên lành ; Tới phen trưởng gấm giải lâu Nam, mũ phượng thêm lông vẻ thụy ». ²⁴⁰ (Phan-huy-Ích – « *Cửu-hoàng-tông điện-văn* » : Nghĩ đỡ hoàng-tông nhà Lê tế điện Vũ hoàng-hậu).

« Câu đối » cũng thuộc thể văn biền ngẫu, có lối câu đối thơ, có lối câu đối phú, cũng rất thịnh-hành ở đương-thời :

« Khéo khen ai ; đẽo đá chênh-vênh, tra hom ngược để đơm người để bá ; Trách con tạo : lừa cơ tem hẻm, rút nút

xuôi cho lọt khách cổ kim ». (Hỗ-xuân-Hương – Đề đèo Cửa-đó)

3) Văn-xuôi hoặc **tản-văn** là một thể văn viết buông không cần có vần, không phải bó-buộc cách-điệu gì cả. Vì bấy giờ ít chịu luyện-tập văn xuôi, nên thể văn này chậm tiến và không phát-đạt. Họa-hoắn mới thấy xuất-hiện, mà văn viết thường lủng-củng những chữ nho, chẳng hạn như :

« ...Tưởng nay đương buổi tống-thành thất-thủ, kinh-địch tại tiền, dẫu quân-thần đồng-tâm mưu-lự, còn e phát cập, bỗng lại gây nên nội-loạn, thì nữa quốc-sự làm sao ! »

²⁴¹ (Phan-huy-Ích – Dụ nhị súy quốc-âm chiếu-văn)

Sau khi biết qua các thể-tài quốc-văn đời Tây-sơn rồi, ta nhận xét rằng đương-thời thơ ca, nhất là lục bát và song thất, đã tiến lên một trình-độ khá-cao, chứ không còn nặng như thơ Nguyễn-bỉnh-Khiêm (1549-1585) và trúc-trắc như thơ Trịnh-Sâm (1740-1786) ở đầu và cuối Lê trung-Hưng trước.

Văn biên ngẫu, tuy có lấy chữ và dùng điển Hán-văn còn nhiều đấy thật, nhưng đã chịu dịch từ-ngữ và điển-tích Hán-văn ra tiếng Việt với nhiều cố-gắng.

Còn cái cơ văn xuôi sở-dĩ thấp kém và chậm tiến hơn văn vần, là do văn vần được luyện-tập lâu đời, mà văn xuôi thì mới bắt đầu tập-tành chớm nẩy. Dầu vậy, những bài văn xuôi như « *Chiếu truyền La-sơn phu-tử* » và « *Dụ nhị súy quốc-âm chiếu-văn* » ở đời Tây-sơn đều là cái mốc đánh dấu cho ta biết rằng bắt đầu từ đấy, người mình đã có xu-hướng muốn đưa văn xuôi vào địa-vị quan-trọng.

Bây giờ thử xét đến khuynh hướng quốc-văn ở đời Tây-sơn thế nào.

Quốc-văn của ta khoảng thế kỷ XVI, XVII và tiền bán-thế-kỷ XVIII còn chịu ảnh-hưởng của Hán-văn rất nhiều, rất sâu, rất nặng. Tuy là văn thơ nôm, nhưng dùng nhan-nhân những chữ nho, lại mượn đề, mượn tứ và mượn cả cảnh sắc của thơ văn Trung-quốc nữa.

Đến đời Tây-sơn, quốc-văn đã phát-đạt, dần dần có tính-cách dân-tộc, đã muốn thoát-ly ảnh-hưởng của Hán-văn, đã biết bắt nguồn với mạch sống của nhân-dân và liên-quan chặt-chẽ với hoàn-cảnh xã-hội. Cho nên nay ta mới có thể nhận xét được đôi chút khuynh-hướng của quốc-văn ở thời-đại ấy.

Có thể tạm chia làm mấy khuynh-hướng như dưới đây :

1) Trữ tình là một thứ thơ văn thuần-túy văn-nghệ, phát-trữ hoàn-toàn những mối tình-tự của chính mình. Nó chỉ tuyền ca vịnh những cảm-xúc và cảm-tình của cá-thể con người. Nó mượn thơ ca để phô-bầy tình yêu, nỗi nhớ, cảnh vui, cảnh buồn... Ở đời Tây-sơn, có thể lấy bài AI TƯ VẤN làm đại-biểu cho khuynh-hướng trữ tình :

*« Trông mong luống những mơ màng,
Mơ-hồ bằng mộng, bàng-hoàng như say !
Khi trận gió, hoa bay thấp-thoáng,
Ngõ hương giới bằng lảng còn đâu... »*
(Ngọc-Hân công-chúa)

2) Khuynh-hướng tả chân ở đời Tây-sơn phải lấy Hồ-xuân-Hương làm đại-biểu. Xuân-Hương có cặp mắt của nhà

họa-sĩ : chỉ chọn lấy một khung-cảnh, một đặc-điểm, rồi hạ bút miêu-tả cho đúng với thực-tại :

*« Đứng chéo trông theo cảnh hắt-heo ;
Đường đi thiên-thọ, quán treo-leo.
Lợp lều mái cỏ gianh xơ-xác,
Sỏ kẻ, cầu tre đốt khảnh-kheo.
Ba gác cây xanh hình uốn éo,
Một giòng nước biếc chảy tăn teo.
Thú vui quên cả niềm lo cũ,²⁴²
Kìa cái điều ai gió lộn lèo ! »²⁴³*

3) Đời Tây-sơn, thể phê-bình cũng đã chớm nở trong thơ văn, chẳng hạn như bài thơ ĐỀ ĐỀN THÁI-THÚ SẦM NGHI-ĐỒNG của một nữ-thi-sĩ khuyết danh nào đó mà nhiều người cho là của Hồ-xuân-Hương :

*« Ghé mắt trông ngang thấy bảng treo,
Kìa đền-Thái-thú đứng treo-leo !
Ví đây đối phạm làm giai được,
Sự nghiệp anh-hùng há bấy nhiêu ? »*

Nguyên ngày mồng năm, tháng giêng, năm kỷ-dậu (1789), Diên-châu thái-thú Sầm-nghi-Đồng bị các chiến-sĩ Việt-nam, do nhà anh-hùng dân-tộc Quang-trung lãnh-đạo, kịch-liệt vây đánh đến nỗi phải thắt cổ mà chết ở Đồng đa. Về sau, các Hoa-kiều có làm đền thờ Sầm-nghi-Đồng ở ngõ Sầm-công, sau phố hàng Buồm tại Bắc-thành (nay là Hà-nội). Khi nhà thơ khuyết danh ấy qua đền Sầm-công, nhớ đến sự-tích viên bại-tướng Mãn-thanh, nên mới có bài thơ

phê bình như vậy. Ngoài ra, những bài như Trương Lưu-hầu phú ²⁴⁴ cũng thuộc về thể phê-bình.

Các khuynh-hướng thơ văn tiếng Việt ở đời Tây-sơn đại-khai là thế. Ấy còn chưa kể đến thể thơ trào-phúng của Hồ-xuân-Hương đã nêu được những đặc-sắc một thi-tông ở thời đó.

Đến đây, ta thử xét qua về từ ngữ dùng trong quốc-văn đương-thời có thể ghi được đôi chút đặc-tính của thời-đại ấy.

Ngoài những tiếng quốc-văn như đã thấy ở cuối Lê và sẽ thấy ở đầu Nguyễn, đời Tây-sơn thường có những từ-ngữ do Hán-văn dịch ra khiến cho ta nay không khỏi ngỡ-ngàng, bỡ-ngỡ :

- « *Lầu thư* » tức là lầu sách : « *Cầm ve gẩy lầu thư ánh ỏi* ». (Tụng Tây-hồ phú) ²⁴⁵

- « *Thư son khoán sắt* » tức là « đan-thư thiết-khoán » hoặc « kim-thư thiết-khoán » : « *Rờ rở thư son khoán sắt, nhời nãi ông đủ trở núi thề sông* » (Trương Lưu-hầu phú) ²⁴⁶

- « *Phút mai* » tức là nhất đán, hoặc nhất triều :

« *Phút mai dâu bể biển dời,
Mất trông cây cây cao bóng cả* ».

(Phù-ninh ngoại-tộc diện văn) ²⁴⁷

Ngoài những tiếng dịch ở thành-ngữ hoặc điển-tích chữ Hán ấy, đương-thời còn có những tiếng Việt hơi khác với ngày nay, như :

- « *Đằm-hâm* » tức là đằm-ấm : « *Trong quế-dịch đằm-hâm hơi thụy* ». (Công-chúa chư nha điện văn) ²⁴⁸

- « *Lộn vện* » tức là trợn vện : « *Ba tấc lưỡi đưa đẩy ngoại năm năm, vừa lộn vện thù Tần, oán Hạng* ». (Trương Lưu-hầu phú) ²⁴⁹

- « *Nẻo thừa* » tức là nhớ thừa, đương thừa : « *Nẻo thừa doanh hoàng phô vẻ, trau vàng chuốt ngọc vện mười phân* ». (Công-chúa chư nha điện văn)

- « *Phê-pha* » tức là phỉ phê : « *Một lần mộng dọc ngang tám cõi, đủ phê-pha công Hạng, nợ Hàn* ». (Trương Lưu-hầu phú)

- « *Diễn* » cũng như xa, Khơi diễn tức là xa khơi : « *Thảm cùng khi non diễn mây lồng kéo-cột dưới giăng say (?) khúc dế !* » (Phù-ninh Từ-cung điện văn)

- « *Thoi* » dùng làm động từ, nghĩa là thánh-thót, là đưa thoi, là rọi tí tách. : « *Ngậm-ngùi khi phủ-trạch giọt lầu thoi...* » (Phù-ninh Từ-cung điện văn) ²⁵⁰

Mỗi thời đại thường có một văn-thể riêng và những từ-ngữ quen dùng riêng. Cứ tế-nhận những từ-ngữ đã cử ra làm lệ đó, ta cũng có thể đánh dấu được ít nét đặc-thù của quốc-văn đời Tây-sơn rồi đây.

PHẦN THỨ HAI : CÁC TÁC-GIẢ ĐỜI TÂY-SƠN

Chương I : Hồ-xuân-Hương

Viết đến phần « Các tác-giả đời Tây-sơn » này đáng lẽ phải có Nguyễn-huy-Tự (1743-1790) là soạn-giả truyện Hoa-tiên²⁵¹, người làng Lai-thạch, huyện La-sơn (nay là huyện Can-lộc, tỉnh Hà-tĩnh), đậu hương-cống đời Lê Hiển-tôn (1740-1786) hồi 17 tuổi (1759) và Nguyễn-Thiện²⁵², nhuận-giả truyện Hoa tiên, người làng Tiên-diễn, huyện Nghi-xuân (nay thuộc tỉnh Hà-tĩnh), cũng đậu hương-cống đời Lê Hiển-tôn từ năm 20 tuổi (1782).

Lại đáng lẽ cũng phải nói đến Ngô-thì-Nhậm, tự Hi-doãn, người làng Tó (tả Thanh-oai), huyện (nay là phủ) Thanh-oai (nay thuộc tỉnh Hà-đông), đỗ tiến sĩ khoa ất-mùi (1775) đời Lê Hiển-tôn, là một tay văn-học trứ-danh đời Tây-sơn và là tác giả vế câu đối « Thế Chiến-quốc, thế Xuân-thu, gặp thời-thế, thế thời phải thế ». ²⁵³

Nhưng hai nhà văn trên, hiện nay chưa đủ tài-liệu mà họ Ngô thì, theo chỗ tôi biết, tác-phẩm hầu hết bằng Hán-văn, ngoài một vài đôi câu đối nôm thường truyền tụng²⁵⁴. Vậy, hãy tạm để họ đấy, phần thứ hai này xin bắt đầu từ Hồ-xuân-Hương, Ngọc-Hân công-chúa, đến Phan-huy-Ích, Nguyễn-hữu-Chỉnh và Nguyễn-huy-Lượng, gọi là nêu làm đại-biểu cho xu-hướng quốc-văn ở đời Tây-sơn.

Vào khoảng cuối thế-kỷ mười tám và đầu thế-kỷ mười chín, trong giới quốc-văn, đột nẩy một thi-sĩ thiên-tài, một cây bút thuần-túy Việt-nam hơn hết, đặc-sắc hơn hết, không những làm rung-động cả một rừng Nho đương-thời, mà lại soi rọi trên đường văn-học Việt-nam những tia rất sáng ngời, rất rực-rỡ : ấy là nhà thơ cách-mệnh Hồ-xuân-Hương.²⁵⁵

Cha là Hồ-phi-Diển, quán làng Quỳnh-đôi, huyện Quỳnh-lưu, xứ (nay là tỉnh) Nghệ-an, sau ra ngụ ở Khán-xuân, gần hồ Tây, huyện Vĩnh-thuận (nay thuộc Hà-nội), Xuân-Hương là người đồng-thời với Phạm-đình-Hổ, tục gọi Chiêu-Hổ (1768-1839), tác-giả VŨ TRUNG TÙY BÚT, v.v... Thế tức là người cuối Lê, qua Tây-sơn sang đầu Nguyễn.

Thông-minh, bình-dị, tình-tứ, Xuân-Hương có thiên-tài về thơ.

Sớm mồ-côi cha, Xuân-Hương được mẹ (người Hải-dương) cho theo đòi bút nghiên, nhưng được ít lâu lại phải thôi học. Nhờ ở tự-tu, học-nghiệp ngày một tiến, nữ-sĩ nổi tiếng hay chữ ở đương thời.

Tục truyền : Xuân-Hương muốn « lấy chồng cho đáng tẩm chồng », nên mới mở một ngôi hàng nước để tiện tiếp-xúc với thi-sĩ văn-nhân mà kén chọn. Bấy giờ nhân gặp khoa thi, nhiều sĩ tử trong nước có vào làm thơ để « tự giới-thiệu », nhưng phần nhiều là :

« Khéo khéo đi đâu lữ ngấn ngơ ?

Lại đây cho chị dạy làm thơ »

Nên chưa ai được « trúng tuyển » cả !

Duy chỉ có ông thủ-khoa mới đỗ, vì bài thơ « Thạch liên thiên » được vừa ý Xuân-Hương, nên về sau Xuân-Hương lấy lẽ ông ấy, tức là ông phủ Vĩnh-tường.²⁵⁶

Kết hôn được ít lâu, ông phủ Vĩnh-tường mất, Xuân-Hương có thơ khóc rằng :

« Trăm năm ông phủ Vĩnh-tường ôi !
Cái nợ ba sinh có thể thôi.²⁵⁷
Chôn chặt văn-chương ba thước đất,
Ném tung²⁵⁸ hồ thi bốn phương giới.
Cán cân tạo-hóa rơi đâu mất ?²⁵⁹
Miệng túi càn-khôn thắt lại rồi.²⁶⁰
Hăm bảy tháng giới là mấy chốc,
Trăm năm ông phủ Vĩnh-tường ôi ! »

Khi bà đang góa, thì có ông cai-tổng, tục gọi tổng Cốc, góa vợ, đến hỏi, bà lại « đi bước nữa ». Nhưng được vài năm, tổng Cốc mất ! Bà lại làm thơ khóc cuộc nhân-duyên thứ hai :

« Chàng Cốc ôi ! Chàng Cốc ôi !²⁶¹
Cong-cóc đi đâu chẳng bảo tôi !²⁶²
Nòng-nọc dứt đuôi từ đây nhé,²⁶³
Nghìn vàng khôn chuộc dấu bôi vôi ! »

Từ đó, Xuân-Hương ở vậy, vui cùng thơ văn cho khuây khỏa. Những lúc chơi danh-lam thắng-cảnh, hoặc những khi tỉnh giấc tàn-canh, đối cảnh xúc hoài, bà thường có thơ kỹ thuật, miêu-tả hoặc trào-phúng.

Bà có một bạn thơ là Phạm-đình-Hổ, tức Chiêu-Hổ. Giữa nữ-sĩ và danh-sĩ ấy thường có những cuộc xướng họa rất nên thơ. Thơ xướng đã đắm vẻ trào-lộng, thơ họa lại nhuộm màu hài-hước.

Có lần không rõ Chiêu-Hổ hay Xuân-Hương vay mượn tiền nong của nhau bao nhiêu đó, nhưng đến khi trao tiền, lại có sự ỡm-ờ không đúng, nên danh-sĩ Chiêu-Hổ bị nhà thơ Xuân-Hương « mắng đùa » là Cuội :

*« Sao nói rằng năm lại có ba ?
Trách người quân-tử hẹn sai ra !
Bao giờ thông-thả lên chơi Nguyệt :
Nhớ hái cho xin năm lá đa... »*

Chiêu-Hổ lại cứ theo vần mà « lỡm-lờ » họa lại :

*« Răng gián ²⁶⁴ thì năm, quí ²⁶⁵ có ba :
Bởi người thực nữ tính không ra !
Ừ, rồi thông-thả lên chơi Nguyệt :
Cho cả càn đa lẫn củ đa ! »*

Thơ Xuân-Hương mới-mẻ, thoát sáo, đi sát với bình dân, vượt ngoài khuôn khổ lối thơ « phong-kiến », thơ « ngự dụng ».

Xuân-Hương sở-trường về tả-chân, có thể làm tiêu-biểu cho khuynh-hướng này ở đương thời. Bà lại trội hẳn về nghệ-thuật « trào-phúng », đứng riêng một thi-tông ở đời Tây-sơn.

Thi-phẩm của bà, người sau lật-lượm lại, biên thành một tập gọi là XUÂN-HƯƠNG THI-TẬP. Nay xin sao-lục thêm

mười bài nữa :

« DỆT CỬI »

Thắp ngọn đèn lên thấy trắng phau,
Con cò ²⁶⁶ mấp-máy suốt đêm thâu.
Hai chân đạp xuống năng năng nhấc ;
Một suốt ²⁶⁷ đêm ngang thích thích nhau.
Rộng hẹp nhỏ to vừa vặn cả.
Ngắn dài khuôn khổ cũng như nhau.
Cô nào muốn tốt ngâm cho kỹ, ²⁶⁸
Chờ đến ba thu mới dải màu. ²⁶⁹

« ĐÁNH ĐU » ²⁷⁰

Tám cột khen ai khéo khéo giồng !
Người thì lên đánh, kẻ ngồi trông ;
Giai đu gối hạc khom khom cật, ²⁷¹
Gái uốn lưng ong ngửa ngửa lòng.
Bốn mảnh quần hồng ²⁷² bay phới phới,
Hai hàng chân ngọc duỗi song song,
Chơi xuân đã biết xuân chẳng tá ?
Cột nhỏ đi rồi lỗ bỏ không...

« CÁI QUẠT »

I.

²⁷³
... ..
Chành ra ba góc, da còn thiếu.
Khép lại đôi bên thịt vẫn thừa.
Mát mặt anh-hùng khi vắng gió,

Che đầu quân-tử lúc sa mưa

274

... ..

Phì-phạch trong màn đã sương chưa ?

II.

Mười bảy hay là mười tám đây ?

Cho ta yêu dấu chẳng rời tay.

Mỏng dầy chừng ấy chành ba góc,

Rộng hẹp dường nào cấm một cây.

Càng nóng bao nhiêu thời càng mát,

Yêu đêm chưa phỉ lại yêu ngày.

Hồng hồng má phấn duyên vì cạy !

Chúa dẫu, vua yêu một cái này...

« QUẢ MÍT »

Thân em như quả mít trên cây ;

Da nó sù sì, múi nó dày.

Quân-tử có thương thì đóng nõ,

Xin đừng mân mó, dựa ra tay.

« ỐC NHỒI »

Bác mẹ sinh ra phận ốc nhồi ;

Đêm ngày lẫn đám cỏ hôi hôi. 275

Quân-tử có thương thì bóc yếm,

Xin đừng ngó ngoáy lỗ tròn tôi.

« KẼM TRỐNG »

Hai bên thì núi, giữa thì sông.

Có phải đây là Kẽm Trống không ?

Gió đập cành đa khua lắc cắc ?

Sóng dồn mặt nước vỗ long bong.

276

... ..

« VẮNG VẮNG »

Văng-văng tai nghe tiếng khóc chồng,

Nín đi, kéo thẹn mấy ²⁷⁷ non sông.

Ai về nhả-nhủ đàn em bé :

Xấu máu, đừng tham miếng đỉnh chung. ²⁷⁸

« THIẾU-NỮ NGŨ NGÀY »

Mùa hè hây hẩy gió nồm đông,

Thiếu nữ nằm chơi quá giấc nồng.

Lược trúc chải cài trên mái tóc,

Yếm đào trễ xuống dưới nương long, ²⁷⁹

Đôi gò bông-đào sương còn ngậm,

Một lách Đào-nguyên suối chứa thông.

Quân-tử dùng-dăng đi chẳng dứt,

Đi thì cũng dở, ở không xong.

« CÁI GIỀNG »

Ngõ ngay thăm-thăm tới nhà ông,

Giếng tốt thanh-thơi, giếng lạ-lùng !

Cầu trắng phau phau đôi ván ghép,

Nước trong leo-lẻo một giòng thông.

Cỏ ga lún-phún leo quanh mép,

Cá giếc le-te lách giữa giòng.

Giếng ấy thanh-tân ai đã biết,

Đố ai dám thả nạ giòng-giòng ?

Chương II : Ngọc-Hân công-chúa (1770-1799)

Cha là vua Lê Hiển-tôn (1740-1786), mẹ là Nguyễn-thị-Huyền²⁸⁰, Ngọc-Hân là vị công-chúa thứ hai mươi mốt. Từ bé, Ngọc-Hân ở trong cung nhà Lê đã được rèn cặp kinh sử, tập tành thơ-văn.

Năm bính-ngọ (1786), đức lệnh Nguyễn-Huệ ra bắc, diệt Trịnh, phù Lê, kết duyên với Ngọc-Hân công-chúa. Bấy giờ công-chúa mới mười sáu tuổi.

Năm kỷ-dậu (1789), sau khi chiến-thắng giặc Thanh, vua Quang-trung đã xong mọi việc đối-nội và đối-ngoại, bèn lập bà Ngọc-Hân làm Bắc-cung hoàng-hậu²⁸¹ :

*« Nẻo thừa Long-thành chống việt, nghị duyên lành hương-hỏa sớm lây ; Tới phen phượng-các sánh ngôi, lồng vẻ lạ vi du càng rõ ».*²⁸²

Mấy câu trên đây là chỉ việc đức-lệnh Nguyễn-Huệ chống cây việt ra Thăng-long, đẹp duyên với Ngọc-Hân công-chúa rồi Ngọc-Hân được lập làm hoàng-hậu với bao vẻ-vang rực-rỡ.

Đến năm nhâm-tí (1792), vua Quang-trung mất, bài *« Ai tư-vấn »* đã tỏ được cả một trời thương biển nhớ của Ngọc-Hân đối với chồng :

*« Buồn xem hoa, hoa buồn, thêm thẹn,
Cánh hải-đường đã quện gió sương ! »*

Về cái chung-cực của Ngọc-Hân, như phần thứ nhất đã chưa, trước giờ nhiều người đã đưa ra nhiều thuyết :

Có thuyết nói, về sau, nhà Tây-sơn bị diệt, vua Gia-long (1802-1819) muốn lấy bà Ngọc-Hân, quần-thần có người can lại vì cho thế là lấy vợ thừa của nhà Tây-sơn, nhưng vua Gia-long không nghe, cứ lấy và giải-thích rằng : Giang sơn thành-quách này cái gì chẳng phải mình lấy lại từ nhà Tây-sơn, lạ là một người đàn-bà ?

Thuyết khác lại cho rằng sau khi nhà Tây-sơn mất, bà Ngọc-Hân cùng hai con, một trai, một gái, phải giả dạng làm vợ một người lái buôn, trốn tránh vào một miền quê ở tỉnh Quảng-ngãi ; được ít lâu, tung-tích bại-lộ, bà và hai con cùng bị triều Nguyễn gia hình bằng lối « tam ban triều điển ».²⁸³

Nhưng, sự thực không phải thế.

Bà Ngọc-Hân mất từ năm kỷ-mùi (1799), mà nhà Tây-sơn mãi đến năm nhâm-tuất (1802) mới đổ, thế nghĩa là bà chết trước khi Tây-sơn bị diệt vong những ba năm, thì sao còn ở lại để lấy vua Gia-long hay để chịu « tam ban triều điển » được ?

Chứng-cớ ấy tôi tìm được ở năm bài văn tế do một yếu-nhân đời Tây-sơn là Dụ-am Phan-huy-Ích đứng thảo : một bài cho vua Cảnh-thịnh, một bài cho các con gái vua Quang-trung, một bài cho Phù-ninh từ-cung là mẹ đẻ của Ngọc-Hân, một bài cho cựu hoàng-tông là những người trong tông-thất nhà Lê và một bài cho các bà con họ ngoại bên Phù-ninh để đọc trong những tuần tế điện bà Ngọc-Hân tức Vũ hoàng-hậu.

Trong bài « Cựu-hoàng-tông điện-văn » có câu :

« Hẳn non Lam khí vượng đã tàn rồi ?
Nên vườn Lãng cảnh khơi mà vội thế ! »

Tức là ý nói : có lẽ cái vượng-khí ở Lam-sơn là chỗ phát-tích của nhà Lê đến lúc đã tàn vạc, cho nên bây giờ bà Ngọc-Hân mới vội chơi cảnh tiên (sớm mất) như thế !

Đến tháng mười một (trung-đông) năm kỷ-mùi (1799), triều-đình nhà Tây-sơn làm lễ truy-tôn miếu-hiệu bà là NHU-Ý-TRANG-THẬN-TRINH NHẤT VŨ HOÀNG-HẬU. Trong bài sách-văn truy-tôn bằng chữ Hán có câu : « *Tổ thập tứ niên vi việp đồng thư...* » (Cuốn sách rục-rở viết bằng cây bút quản đỏ chép công-đức bà trong mười bốn năm...)

Như vậy rất đúng với số năm : từ bính-ngọ (1786) bà lấy đức-lệnh Nguyễn-Huệ, đến kỷ-mùi (1799) bà mất, vừa mười bốn năm theo lối tính tuổi của ta xưa. ²⁸⁴

Nếu bảo những chứng-cứ trên còn chưa đủ, vì vua Quang-trung có những hai bà hậu, e rằng Vũ hoàng-hậu ấy có thể lẫn với bà hậu họ Phạm là mẹ đẻ vua Cảnh-thịnh chăng.

Thì cái sử-liệu này lại có thể trả lời. Ngoài bài sách-văn truy-tôn Vũ hoàng-hậu ấy, triều Tây-sơn còn có bài sách-văn khác gia-tôn miếu-hiệu cho bà hậu là mẹ đẻ vua Cảnh-thịnh, nội-dung gọi là « hoàng-tử » 皇妣 (mẹ đẻ mà đã chết của vua) và tôn-hiệu là « *Nhân cung đoan-tĩnh trinh-thục nhu-thuần* Vũ hoàng-chính-hậu ». Thế là hai người khác nhau hẳn từ miếu-hiệu đến tiếng tôn-xưng. Vậy xin nhắc lại cho rõ :

Lê-thị Ngọc-Hân là « *Nhu-ý-trang-thận-trình nhất* ».

Phạm thị là « *Nhân-cung-đoan-tĩnh-trình-thục-nhu-thuần* ».

Lê thị là « *Vũ hoàng-hậu* ».

Phạm-thị là « *Vũ hoàng-chính-hậu* ».

Thế là nay đã thanh-toán xong cái sử-sự về chung-cục của Ngọc-Hân. Giờ xin giới thiệu đến bài « **AI TƯ VẤN** »
285 :

MỞ ĐẦU

« *Gió hiu hắt, phòng tiêu* ²⁸⁶ *lạnh lẽo,*
Trước thềm lan hoa héo ron ron !
Cầu Tiên ²⁸⁷ *khói tỏa đỉnh non,*
Xe rồng thăm thăm, bóng loan rầu rầu !
Nỗi lai-lịch dễ hầu than-thở,
Trách nhân-duyên mờ lẽ có sao ?
Sầu sầu, thảm thảm xiết bao...
Sầu đầy giạt bể, thảm cao ngất giời ! »

KỂ CÔNG-ĐỨC VUA QUANG-TRUNG, MỐI LƯƠNG-DUYÊN GIỮA NHÀ VUA VÀ NGỌC-HÂN CÔNG-CHÚA

« *Từ cờ thăm trở vời cõi Bắc,*
Nghĩa tôn phù ²⁸⁸ *vằng vặc bóng dương.* ²⁸⁹
Rút dây ²⁹⁰ *vâng mệnh phụ-hoàng,* ²⁹¹
Thuyền lan, chèo quế thuận đường vu-qui.
Trăm ngàn dặm quản chi non nước,
Chữ « nghi gia » mừng được phải duyên.
Sang yêu muôn đội ơn trên,

Rõ-ràng vẻ thúy, nổi chen tiếng cầm.
Lượng che chở, vụng lằm nào kể,
Phận đình-ninh cặn kẽ mọi nhời.
Dù rằng non nước biển đời,
Nguồn tình ắt chẳng chút với đâu là ».

TÌNH NGHĨA VUA QUANG-TRUNG ĐỐI XỬ VỚI NHÀ LÊ

« Lòng đùm bọc thương hoa đoái cội,²⁹²
Khắp tôn-thân cùng đội ơn sang...²⁹³
Miếu-dường còn dấu chứng thường,²⁹⁴
Tùng thu còn rậm mấy hàng xanh xanh.²⁹⁵
Nhờ hồng phúc, đôi cành hòe quế,²⁹⁶
Đượm hơi sương, dây rể cùng tươi.
Non Nam²⁹⁷ lần chúc tuổi giới,
Dâng câu Thiên-bảo²⁹⁸, bày nhời Hoa-Phong ». ²⁹⁹

VUA QUANG-TRUNG NHUỐM BỆNH

« Những ao-ước trập trùng tuổi hạc,
Nguyễn trăm năm³⁰⁰ ngõ³⁰¹ được vầy vui.
Nào hay sông cạn, bể vùi,
Lòng giới giáo-giở, vận người biệt-ly !
Từ nắng hạ, mưa thu trái tiết,
Xót mình rỗng mệt mỗi chẳng yên !
Xiết bao kinh sợ lo phiền !
Miếu thần đã đảo³⁰², thuốc tiên lại cầu.
Khắp mọi chốn đâu đâu tìm rước,
Phương-pháp nào đổi được cùng chẳng ? »

VUA QUANG-TRUNG MẤT

« Ngán thay, máy Tạo bất bằng !
Bóng mây thoát đã ngắt chừng xe loan !
Cuộc tụ, tán ³⁰³, bi, hoan ³⁰⁴ kíp bấy ! ³⁰⁵
Kể xum-vầy đã mấy năm nay ?
Lênh-đêngh chút phận bèo mây,
Duyên kia đã vậy, thân này nương đâu ? »

THƯƠNG-XÓT, MƠ-TƯỜNG

« Trăn trọc luống đêm thâu, ngày tối,
Biết cậy ai dập nổi bi thương ?
Trông mong luống những mơ-màng,
Mơ-hồ bằng mộng, bàng-hoàng như say !
Khi trận gió, hoa bay thấp-thoáng,
Ngõ hương giờ vắng-lãng còn đâu...
Vội vàng sửa áo lên châu,
Thương ôi, quạnh-quẽ trước lầu nhện chẳng !
Khi bóng giăng, lá in lấp lánh,
Ngõ tàn vàng nhớ cảnh ngự chơi :
Vội-vàng dạo bước tới nơi,
Thương ôi, vắng-vẻ giữa giờ tuyết sa !
Tưởng phong-thể ³⁰⁶ xót-xa đòi đoạ,
Mặt rồng sao cách-gián ³⁰⁷ lâu nay !
Có ai chốn ấy về đây,
Nguồn cơn xin ngỏ cho hay được đành ?
Nẻo u minh ³⁰⁸ khéo chia đôi ngã,
Nghĩ đòi phen, nồng-nã ³⁰⁹ đòi phen !
Kiếp này chưa trọn chữ « duyên »,

Ước xin kiếp khác vẹn tuyền lửa hương ».

NGƯỜI CÓ ĐỨC MÀ KHÔNG ĐƯỢC THỌ

*« Nghe trước có đấng vương Thang ³¹⁰, Võ ³¹¹
Công-nghiệp nhiều, tuổi thọ thêm cao.
Mà nay áo vải, cờ đào, ³¹²
Giúp dân, dựng nước biết bao công-trình !
Nghe rành-rành trước vua Nghiêu ³¹³, Thuấn ³¹⁴
Công-đức đầy, ngự vận càng lâu.
Mà nay lượng cả, ơn sâu,
Móc mưa rưới khắp chín châu ³¹⁵ đượm-nhuần
Công dưỡng ấy mà nhân dưỡng ấy,
Cõi thọ sao hẹp bấy ! Hóa-công ?
Rộng cho chuộc được tuổi rồng, ³¹⁶
Đổi thân ắt hẳn bỏ lòng tôi người ». ³¹⁷*

HỒN PHÁCH THEO CHỒNG

*« Buồn thay nhẽ ! sương rơi, gió lọt,
Cảnh điều-hiu, thánh-thót châu sa !
Tưởng nhờ di-chúc ³¹⁸ thiết tha.
Khóc nào lên tiếng, thức mà cũng mê !
Buồn thay nhẽ ! xuân về, hoa ở, ³¹⁹
Mối sầu riêng ai gỡ cho xong ?
Quyết liều mong vẹn chữ « tòng »,
Trên rường nào ngại, giữa giòng nào e ³²⁰
Còn trứng nước thương vì đôi chút ³²¹
Chữ « tình-thâm » chưa thoát được đi ! ³²²*

Vậy nên nấn-ná đôi khi,
Hình tuy còn ở, phách thì đã theo...
Theo buổi trước ngự đèo Bồng đảo, ³²³
Theo buổi sau ngự nẻo sông Ngân. ³²⁴
Theo xa thôi lại theo gần,
Theo phen điện quế, theo lần nguồn hoa...
Đương theo, bỗng tiếng gà sức tỉnh,
Đau đớn thay, ấy cảnh chiêm-bao !
Mơ màng thêm nổi khát khao,
Ngọc-kinh ³²⁵ chốn ấy ngày nào tới nơi ! »

NHỚ CẢNH SUM-VẦY ĐẸP-ĐẸ

« Tưởng thôi lại bồi hồi trong dạ,
Nguyện đồng sinh ³²⁶ sao đã kíp phai ?
Xưa sao sớm hỏi, khuya bấy,
Nặng lòng vàng đá, cạn nhời tóc tơ.
Giờ sao bỗng thờ-ơ lặng-lẽ ?
Tình cô-đơn, ai kể xét đâu ?
Xưa sao gang tấc gần châu ; ³²⁷
Trước sân phong nguyệt, trên lầu sinh ca...
Giờ sao bỗng cách xa đôi cỗi, ³²⁸
Tin hàn-huyên khôn hỏi thăm nhanh ! ³²⁹
Nửa cung gãy phím cầm lành, ³³⁰
Nỗi con cô cút, nỗi mình bơ vơ ! »

BỒN-CHỒN TRÔNG TÌM...

« Nghĩ nông-nỗi, ngẩn-ngơ đôi lúc...
Tiếng tử-quì ³³¹ thêm giục lòng thương !

Não người thay, cảnh tiên hương !³³²
Dạ thường quanh-quất, mắt thường ngóng trông...
Trông mái đông : lá buồn xuôi ngược,
Thấy mênh-mông những nước cùng mây !
Đông rồi thì lại trông tây ;
Thấy non ngây-ngất, thấy cây rườm-rà !
Trông nam : thấy nhận sa lác-đác !
Trông bắc : thì ngân bạc màu sương !
Nọ trông trời đất bốn phương,
Cõi tiên khờ thử biết đường nào đi ! »

MUỐN GỞI VẬT KỶ-NIỆM CHO NGƯỜI MẤT

« Cây ai có phép gì tới đó,
Dâng vật thường, xin ngỏ lòng trung ;
Này gương là của Hán-cung,³³³
Ơn trên xưa đã soi chung đôi ngày...³³⁴
Duyên hảo hợp xót rày nên lẻ !³³⁵
Bụng ai hoài³³⁶ vội ghẽ³³⁷ vì đâu ?
Xin đưa gương ấy về châu,
Ngõ³³⁸ soi cho tỏ gót đầu trông ơn.³³⁹
Tưởng linh sáng³⁴⁰ nhờn-nhờn còn dấu,
Nỗi sinh-cơ³⁴¹ có thấu cho không ? »

CẢNH BỒ-CÔI CỦA BẦY CON NHỎ

« Cung xanh đang tuổi âu sung³⁴²
Di mưu³⁴³ sao nỡ quên lòng đoái thương ?
Gót lân-chi³⁴⁴ mấy hàng lẫm chẫm,

Đầu mũ mao, mình tấm áo gai ! ³⁴⁵
U-ơ ra trước hương đài, ³⁴⁶
Tưởng quanh-cảnh ấy chua cay đường nào ! »

CẢNH LỀ LOI CỦA ĐÀN VỢ GÓA

« Trong sáu viện ³⁴⁷ ố đào, ủ liễu
Xác ve gầy, lỏng-lẻo xiêm nghê ! ³⁴⁸
Long-đong xa cách hương quê,
Mong theo : lằm lối ! mong về : tủi duyên ! » ³⁴⁹

NỖI THƯƠNG NHỚ CỦA THẦN DÂN

« Dưới bệ-ngọc, hàng-uyên ³⁵⁰ vò-vỗ,
Cất chân tay thương khó xiết chi !
Hang sâu nghe tiếng thương bi,
Kẻ sơ còn thế, huống gì người thân ? » ³⁵¹

NGƯỜI BUỒN CẢNH CŨNG ĐEO SẦU

« Cảnh ly biệt nhiều phần bát-ngát,
Mạch sầu tuôn, ai tát cho vơi !
Càng trông càng một xa vời,
Tắc lòng thảm thiết, chín giờ ³⁵² biết chẳng ?
Buồn trông giăng, giăng mờ thêm tủi ;
Gương hắt-nga đã bụi màu trong !
Nhìn gương càng thẹn tấm lòng,
Thiên duyên lạnh lẽo, đêm đông biên hà (?)
Buồn xem hoa, hoa buồn, thêm thẹn ;
Cánh hải đường đã quện gió sương !
Trông chim, càng dễ đoạn-trường ;

*Uyên-ương chiếc bóng ³⁵³, phượng hoàng lẻ đôi.
Cảnh nào cũng buồn ngủi cảnh ấy,
Tiệc vui-mừng con thấy chi đâu ! »*

LỜI KẾT

*« Phút giây bãi bể nương dâu, ³⁵⁴
Cuộc đời là thế, biết hầu nài sao ? ³⁵⁵
Chữ « tình nghĩa » giờ cao, đất rộng,
Nỗi đoạn trường còn sống, còn đau !
Mấy nhời tâm-sự trước sau,
Đội vắng nhạt nguyệt trên đầu chứng cho... » ³⁵⁶*

Chương III : Phan-huy-Ích (1750-1822)

Tự Khiêm-thụ-phủ, hiệu Dụ-am, Huy-Ích người làng Thày (Thụy Khuê) ở ngay chân núi Sài-sơn (thuộc tổng Lật-sài, phủ Quốc-oai, tỉnh Sơn-tây).

Tổ tiên xưa quán làng Thu-hoạch, huyện Thiên-lộc, xứ Nghệ-an ³⁵⁷. Đến đời ông tổ tên là Cẩn nhân có ơn-huệ với dân làng Thụy-Khuê, nên mới vào làng và lập nghiệp ở đấy.

Cha làm quan đời Lê-trung-Hưng, đã từng cầm quân đánh giặc, vì có chiến-công mà được thăng-trật.

Huy-Ích đỗ tiến-sĩ khoa ất-mùi (1775), niên-hiệu Lê-cảnh-hưng thứ ba mươi sáu.

Khi Ngô-thì-Nhậm đặc dụng với Tây-sơn, thì Nhậm có tiến-cử các bạn thân lên đức lệnh Nguyễn-Huệ, trong có Phan-huy-Ích cùng Nguyễn-thế-Lịch, Trần-bá-Lãm và Vũ-huy-Tấn, v.v...

Ban đầu Ích được nhà Tây-sơn dùng làm Lại-bộ hữu thị-lang.

Vua Quang-trung, sau khi chiến thắng hai mươi vạn quân Thanh ở Ngọc-hồi, Hà-hồi và Đống-đa (mồng 4, mồng 5 tháng giêng, năm kỷ-dậu 1789) muốn hòa-hoãn tình-thế để gây oai dưỡng sức trong mười năm, bèn giao việc từ-lệnh ngoại-giao với Mãn-thanh cho Phan-huy-Ích và Ngô-thì-Nhậm.

Năm canh-tuất (1790), Huy-Ích đi sứ sang nhà Thanh, được vua Thanh Cao-tôn (1736-1795) rất ưu-đãi, thân rót rượu « đề-hồ » vào chén bích ngọc mời uống ở đền Chính-đại-quang-minh.

Ngày 18 tháng tư nhuận, năm nhâm tý (1792), được vua Quang-trung gia phong làm Thụy-nham hầu.³⁵⁸

Tháng năm, năm tân-dậu (1801), được vua Bảo-hưng dùng làm Lễ-bộ thượng-thư.

Tháng sáu (quí hạ) năm nhâm-tuất (1802), chúa Nguyễn-Ánh kéo quân ra Bắc. Ngày 16 tháng ấy (nhâm-tuất 1802), vua Bảo-hưng³⁵⁹ bị bắt ở Phượng-nhơn (thuộc Bắc-giang). Nhà Tây-sơn mất.

Ngày 23 tháng sáu ấy, chúa Nguyễn Ánh vào Bắc-thành (nay là Hà-nội). Trước đó, chúa Nguyễn có chiếu ban : Phàm quan-viên nhà Tây-sơn ra hàng đều được bao dung. Huy-Ích cùng Ngô-thì-Nhậm và Nguyễn-thế-Lịch lần lượt tiến yết, qui-thuận, Chúa Nguyễn Ánh ban chỉ (chỉ-dụ) cho

vào nội thành để phòng có dùng làm cố vấn. Nhưng, sau mắc gièm, Huy-Ích bị giam ở Cẩm-vệ.

Ngày 23 tháng chín (nhâm tuất, 1820), Huy-Ích cùng hai bạn đều phải dời vào kinh Phú-xuân để hậu chỉ.

Qua thượng tuần tháng giêng nhuận, năm quý-hợi (1803), Huy-Ích cùng hai bạn lại phải đưa đến Bắc-thành, rồi bị giam ở trại Tiên-quân.

Ngày 12 tháng hai (quý Hợi, 1803), Ích bị đánh đòn ở nhà Giám (Văn-miếu, Hà-nội) rồi được cho về.

Đến năm Minh-mệnh thứ ba (1822), Huy-Ích mất.

Trong một hai năm đầu « đem thân về với » triều Nguyễn ấy, Huy-Ích, trước khi được cáo lão về làng, thỉnh thoảng cũng phải « ứng mệnh » giúp tân-triều chút việc văn-chương. Chẳng hạn : mùa xuân năm giáp-tí (1804), Tiên-quân Nguyễn-văn-Thành làm Bắc-thành tổng-trấn, định tổ-chức một tuần tế các tướng sĩ trận vong trong bản quân ³⁶⁰, có nhờ Huy-Ích nghĩ đỡ một bài văn-tế.

Khác với bài « *Tiên-quân Thành tế tướng sĩ văn* » bấy lâu vẫn truyền tụng, như nhiều người đã biết, bắt đầu bằng câu « *Giời Đông-phố vận ra sóc cảnh...* » bài của Phan-huy-Ích đề là « *Giáp-tí (1804) xuân, nghĩ Chưởng Tiên-quân Tổng-trấn quan khao tế bản quân trận cố tướng sĩ quốc-âm văn* » ³⁶¹, nghĩa là mùa xuân năm giáp-tí (1804), nghĩ đỡ quan Chưởng Tiên-quân Tổng-trấn (Nguyễn-văn-Thành) bài văn tế bằng quốc-âm để khao tế các tướng sĩ bản quân đã tử trận. ³⁶²

Nhưng, bấy giờ chừng vì một cố gì đó, Tiền-quân Thành không ưng dùng bài của Phan-huy-Ích, bèn nhờ một cây bút nào đấy viết giùm một bài khác để tể, nên bài của Huy-Ích chưa ai biết đến và từ trước tới nay chưa từng in ra chữ quốc-ngữ bao giờ.

Nguyên-văn bài ấy bằng chữ nôm, nay xin phiên âm mà giới-thiệu mấy câu đầu ³⁶³ :

*« Than ôi ! Mây Nam ngất mấy từng non nước, trông cõi
bờ hằng nhớ lối chinh-hành ³⁶⁴ ; Gió Đông vầy (?) muôn
khớp (?) cỏ hoa, đôi ngày tháng lại thương người lao tụy
³⁶⁵ . Kiếp nam nhi vện nghĩa ấy nên danh ; Đạo sư sús ³⁶⁶
suy tình mà đặt lễ ».*

Về dịch-phẩm CHINH-PHỤ-NGÂM bấy lâu vẫn truyền là của nữ-sĩ Đoàn-thị-Điểm, có thuyết (Nguyễn-hữu-Tiến, *Nam-phong*, số 106) lại cho Dụ-am Phan-huy-Ích là dịch-giả, vì vin vào bài thơ chữ hán của huy-Ích đại-ý như sau đây :

*« Cuốn CHINH-PHỤ-NGÂM của Nhân-mục tiên-sinh (chỉ
Đặng-trần-Côn) truyền-bá ở nơi từ-lâm. Tình-tứ thì cao-
nhã, cách-điều thì kỳ-dật. Gần nay người ta truyền tụng,
đọc lên, lấy làm khoái trá lắm. Có nhiều người chỉ vì muốn
diễn ra quốc-âm mà phải cân nhắc từng lời, loay hoay từng
chữ. Xét theo vận luật thì không sao kể xiết được cái tinh
túy của mạch văn. Nên lần theo thiên chương mà tìm lấy
nhạc điệu. Tôi, trong khi nhàn rỗi, đem dịch thành khúc
mới. Tin rằng mình hiểu rõ được lòng tác-giả ».* ³⁶⁷

Về vấn đề này, tôi đã viết một bài đầu đề là « Dịch phẩm CHINH-PHỤ-NGÂM phải chăng của bà Đoàn-thị-Điểm ? » đăng ở *Tri-Tân*, số 13, ngày 23 tháng chín 1943, trình bày đã cặn kẽ ³⁶⁸. Nay xin kết luận rằng bản dịch CHINH-PHỤ-NGÂM được truyền tụng bấy nay, bây giờ nếu chưa đủ chứng-cớ bảo là của người khác, thì ta hãy cứ cho Đoàn-thị-Điểm là dịch-giả như đời vẫn thường truyền.

Còn dịch phẩm CHINH-PHỤ-NGÂM của Phan-huy-Ích là một bản khác.

Huy-Ích có tập thơ gọi là VÂN DU TÙY BÚT, được xếp làm sách thứ sáu (đệ lục sách) DỤ-ÂM NGÂM TẬP.

VÂN DU TÙY BÚT là một thi-tập gồm những bài làm từ năm giáp-tí đến năm giáp-tuất, tức từ 804 đến 814.

Theo sự khảo-cứu của tôi thì bản dịch CHINH-PHỤ-NGÂM của Huy-Ích có lẽ ra đời vào khoảng 1803-1804.

Là vì, trong tập thơ VÂN DU TÙY BÚT ấy, sau bài « Giáp-tí (1804) nguyên-đán thi bút » (Tết giáp-tí thử bút) và bài « Sách phong lễ hoàn, kỷ sự » ghi việc làm lễ sách phong đã xong, tác giả Huy-Ích viết đến bài « Tân diễn CHINH PHỤ NGÂM KHÚC thành ngẫu thuật » như đã dẫn và dịch nghĩa ở trên.

Căn-cứ vào đầu đề bài thơ và câu tư, câu bảy, trong bài thơ chữ nho ấy của Huy-Ích, ta có thể nói : dịch phẩm CHINH-PHỤ-NGÂM của Huy-Ích là bản dịch mới, bản dịch lại, bản dịch sau, nên Huy-Ích mới nói là « *tân diễn* », là « *đa hữu thôi sao vị diễn âm* », và là « *nhàn trung phiên dịch thành tân khúc* ».

Vậy nay có thể khẳng định Phan-huy-Ích cũng là MỘT dịch-giả CHINH-PHỤ-NGÂM. Nhưng bản dịch này cũng như bài « *Giáp-tí (1804) xuân, nghĩ Chưởng Tiền-quân Tổng trấn quan khảo tế bản quân trận cố tướng sĩ quốc-âm văn* » của Huy-Ích ít ai biết đến nên bấy nay không thấy truyền-tụng ở đời.

Huy-Ích tuy là một nhà hán-học uyên-bác, nhưng rất chú ý đến quốc-văn. Cho nên trong DỤ-AM VĂN TẬP và DỤ-AM NGÂM TẬP (hoặc NGÂM LỤC), ngoài những thơ văn chữ hán, Huy-Ích còn ít tác-phẩm bằng quốc-văn ; độ ngót chục bài văn tế nôm và hơn chục bài thơ nôm. Ấy là không kể những bài quốc-văn của Huy-Ích như đã dẫn ở phần thứ nhất và sẽ dẫn ở phần thứ hai này.

Dưới đây xin giới-thiệu thêm một bài thơ và một bài văn tế của Huy-Ích :

« LẠP TRUNG, HỒI SƠN, HỌA TRẦN QUAN TIỀN VẬN » ³⁶⁹

*Non nước sum vầy trước chiếu thơ,
Giục người sang cũ vẽ xuân giờ.
Giùng giăng dậm liễu dừng chân ngựa,
Bát ngát doanh châu lét (?) ngọn cờ.
Hương lửa xiết bao niềm kính mến,
Bèo mây dễ mấy chốn nường nhờ !
Tiền diên ³⁷⁰ vâng dội nhời vàng ngọc,
Tấc bóng am tây luống thần-thờ !...*

(Phiên âm theo bản chữ nôm trong *Dụ-am ngâm tập*, chưa in quốc ngữ bao giờ).

« CÔNG CHÚA CHƯ NHA ĐIỆN VĂN »

(đọc trong dịp tang Vũ hoàng-hậu năm kỷ mùi, 1799)

« Than ôi ! đóa thượng-uyển hây hây đua nở³⁷¹, giọt
sương ngưng mà hiu hắt màu hoa³⁷² ! Vầng thái-âm³⁷³
vằng vặc sáng lòe, hơi vục ngắt dễ mịt mờ bóng quế³⁷⁴ !
Nhẽ đổi thay máy Tạo khôn dò. Cơn tan hợp đoạn tình xiết
kể ! Nẻo thuở doanh Hoàng phô vẻ, trau vàng chuốt ngọc
ven mười phân³⁷⁵. Trái phen bền Vị đưa duyên³⁷⁶, phím
sắt soang cầm vầy một thể³⁷⁷. Trên tuyền-đỉnh diu dặt thói
hòa³⁷⁸. Trong quế dịch đầm hâm hơi thụy³⁷⁹. Bóng cù-mộc
sinh-sang tán đẹp, phận dựa leo đều vui chốn nường nhờ³⁸⁰
; Đóa phương-lan đua ruỗi màu tươi, tình vun quén cũng
có phần xan xẻ³⁸¹. Hương nồng phấn đượm những nâng
niu, Ngọc thuyết hoa chào cùng hủ hỉ³⁸². Bông đào nở (?)
mừng duyên nghi thất³⁸³, buổi qui ninh vâng đôi nhẽ dặn
dò³⁸⁴ ; Giá ngọc trong khuyển nét sạ bình, lượt kiều dưỡng
được mọi bề cận kề³⁸⁵. So đấng trên, âu sánh chữ cù lao³⁸⁶
; Gìn sách trước, đã sáng gương tề mỵ³⁸⁷. Những ước
thêm đáo thẻ hạc, xôn xao tiệc thọ, ngẫu dâng thơm³⁸⁸ ;
Bao ngờ kíp ruỗi xe loan, man mác cung xuân, hoa chịu tẻ³⁸⁹
! Âm dương chia hai ngã lưỡng phiến³⁹⁰ ! Chung thủy
cần một niềm dám trẽ³⁹¹. Dầu gót ngọc vui miền tịnh độ,
nữ nào quên hai chồi lan quế con thơ³⁹². Dầu xiêm nghe
vẳng cảnh thanh-đô, nữ nào lảng một bóng tang du hầu xế
³⁹³. Tình biệt ly hằng mọi nỗi bần-khoăn, Kiếp sinh-hóa hẳn

các điều vẹn vẽ ³⁹⁴. Trên đội chín-lần trí kính, chốn đình vi
săn-sóc chẳng nguôi tình ³⁹⁵. Trước dăng sáu chữ truy-tôn
³⁹⁶, việc khâm-vệ sửa-sang càng xứng lễ. ³⁹⁷

« Rày nhân : Hầu cách linh dư ³⁹⁸. Kính bày diên lễ ³⁹⁹.
Trông đóa bạch vân ⁴⁰⁰ thăm thăm, tình nghĩa xưa là dứt vì
đâu ? Dăng tuần hoàng thủy với với ⁴⁰¹, nghi văn ấy thấu
soi chẳng nhẽ ? Hỡi ôi ! Cảm thay ! »

(Phiên âm theo bản chữ nôm trong DỰ-AM VĂN TẬP
chưa in quốc-ngữ bao giờ)

Chương IV : Nguyễn-hữu-Chỉnh (?-1787)

Người làng Đông-hải, huyện Chân-phúc (nay là huyện
Nghị-lộc) trấn (nay là tỉnh) Nghệ-an, Chỉnh vốn thông sáng,
lanh-lẹ và có tài từ bé.

Năm 16 tuổi, Chỉnh đỗ hương-cống ⁴⁰² nên người ta
thường gọi là Cống Chỉnh. Xoay tập võ nghệ, Chỉnh ra
Thăng-long thi tạo-sĩ ⁴⁰³, vào lọt ba kỳ nhưng không đỗ.

Sau Chỉnh được quận Việp Hoàng-Ngũ-Phúc, tướng nhà
Trịnh, thu dùng làm môn khách, giúp việc từ-lệnh trong
quân.

Năm giáp-ngọ (1774), Chỉnh có theo quận Việp Hoàng-
Ngũ-Phúc đi đánh nhà Cựu Nguyễn ở Nam-hà. ⁴⁰⁴

Năm ất-mùi (1775), Chỉnh được quận Việp sai đem ấn,
sắc, cờ, kiếm phong Nguyễn-Nhạc bên Tây-sơn làm tráng-
tiết tướng-quân.

Sau khi Ngũ-Phúc mất, Chỉnh lại dựa con nuôi của Phúc là quận Huy Hoàng-đình-Bảo.

Hồi Đình-Bảo đóng ở Nghệ-an, Chỉnh làm hữu tham quân, coi việc phòng giữ mặt biển, tỏ ra trội hẳn về môn thủy chiến, được người đời bấy giờ gọi là « Hải-điều » 海鷁.

Tháng mười, năm nhâm dần (1782), quân Tam-phủ ⁴⁰⁵ nổi loạn giết Đình-Bảo và sát hại phe đảng quận Huy. Chỉnh sợ liên-lụy, bèn đem cả gia-quyển vào Qui-nhơn ⁴⁰⁶, theo anh em Nguyễn-Nhạc.

Từ đấy, Chỉnh là người của Tây-sơn, hăng hái hoạt-động, bày mưu-kế, diễn đồ-pháp, luyện quân lính, lập phép thi...

Năm bính-ngọ (1786), Chỉnh là tướng Hữu quân bên Tây-sơn, giúp đức lệnh Nguyễn-Huệ ra hạ Thăng-long diệt họ Trịnh.

Khi Nguyễn-Huệ ở Thăng-long thì Chỉnh đóng ở chùa Tiên-tích xóm Nam-ngư, tổng Vĩnh-xương, huyện Thọ-xương. ⁴⁰⁷

Vì muốn bỏ Chỉnh, nên đêm 17 rạng 18 tháng tám, năm bính ngọ (1786), anh em Nguyễn-Huệ lẳng lặng rút quân về Nam, không cho Chỉnh biết.

Chỉnh cố theo đến Nghệ-an, được Nguyễn-Huệ cho đóng lại ở đấy để cùng làm việc với tướng Tây-sơn là Nguyễn-văn-Duệ.

Bấy giờ vua Lê-chiêu-Thống (1787-1789) thấy Tây-sơn đã đi, nhưng Trịnh-Bồng lại đến, bèn triệu Chỉnh từ Nghệ-an

vào kinh hộ-vệ.

Vì có công đuổi Trịnh-Bồng, Chỉnh được vua Lê phong chức bình-chương quân quốc trọng sự, đại tư-đồ, Bổng-trung công.

Lăng bức vua Lê-chiêu-Thống, Chỉnh lại sai Trần-công-Sán vào Thuận-hóa đòi đất Nghệ-an (đinh-mùi, 1787).

Cho thế là Chỉnh làm phản, Bắc-bình-vương Nguyễn-Huệ bèn sai Vũ-văn-Nhậm ra bắt Chỉnh, buộc vào xe mà xé xác. Bấy giờ là cuối năm đinh-mùi (1787).

Chỉnh là người hào-dật, thẳng-thích, không cái gì giam-buộc được. Trong nhà, lúc nào cũng đầy con hát. Trội về quốc-văn, lại làm được nhiều lối như thơ, ca, khúc và phú. Chỉnh thường có câu :

*« Tay nhỏ, khó bưng vừa miệng thế,
Giải lòng ngay thảo, cậy thiên tri ».*

Ý Chỉnh cho rằng dư-luận ở đời nhiều khi khắc-nghiệt và sai-lệch, có chăng chỉ Trời biết cho tấm lòng của mình.

Trong bài TRƯỞNG LƯU HẦU ⁴⁰⁸ PHÚ, Chỉnh có câu :
« Lòng này ai biết Hán hay Hàn... » Tác-giả có ý sánh mình với Lưu-hầu Trương-Lương giúp Lưu-Bang, nào ai đã biết rằng cốt vì phò Hán hay cốt vì báo thù cho nước Hàn ?

Đã đỗ hương-cống, lại có thi tạo-sĩ, từng trải chiến trận, Chỉnh chẳng những lầu thông thao lược, mà lại thường hay ngâm vịnh thơ văn.

Có lần ở Thăng-long, nhân một ngày xuân, mưa bay phơi phới, Chỉnh được dịp nhàn rồi, có làm một bài tả cảnh

đau khổ của thời loạn và nỗi ấm lạnh của tình đời :

*« Lửa hồng tứ dấy mái thành đô,
Đòi chốn lăm than thừa được thua !
Xanh biếc cảnh xen người ẩn dật,
Bạc đen đường vẫn khách bôn xu ! »* ⁴⁰⁹

Sau khi vào kinh Thăng-long hộ vệ, quyền-hành suốt cả Bắc-hà cầm nắm ở một tay, Chỉnh lập phủ thế-tử cho con là Nguyễn-hữu-Du, tự đặt mình như chúa Trịnh cũ. Để tỏ mình cũng ngang với « triều-đình » Thuận-hóa, cũng chẳng kém cạnh với Bắc-bình vương Nguyễn-Huệ, Chỉnh có mấy câu tự-hùng :

*« Đường trời mở rộng thênh-thênh,
Ta đây cũng một triều-đình, kém ai ? »*

Muốn biết văn-tài về thể phú của Chỉnh và lời nghị-luận phê-phán của Chỉnh đối với Lưu-hầu Trương-Lương, ta nên xét qua tiểu-sử Trương-Lương đã :

Trương-Lương tên tự là Tử-phòng, từ cụ kỵ đến ông cha, năm đời làm tướng nước Hàn. Khi Hàn bị Tần diệt, Lương vẫn ngăm lo tính báo thù cho nước Hàn, nên đã đánh Tần Thủy-hoàng ở Bác-lăng-sa, nhưng trúng lăm vào cái xe thứ hai. Khi Hán cao-tổ (206-194 tr.C.n) dấy binh, Lương giúp Hán, bày kế hoạch. Hán nhất-thống toàn-quốc rồi, Lương được phong tước Lưu-hầu, nên đời thường gọi là Trương Lưu-hầu. Công thành, danh toại, Lương rút lui, học thuật thần tiên tịnh cốc.

Dưới đây là đoạn cuối bài TRƯƠNG LƯU HẦU PHÚ, tác giả phê-bình về nhân-vật lịch-sử Trung-hoa ấy :

« Ngẫm từ trên như Trọng Liên⁴¹⁰, Phạm-Lãi⁴¹¹ hào hơn. So về dưới như Lý-Tĩnh⁴¹², Khổng-minh⁴¹³ chưa đáng. Ngồi để sự mà danh cao sĩ⁴¹⁴, ngoại vật há còn trong bụng⁴¹⁵, ngàn thu, chữ thắm chữa phai vàng⁴¹⁶. Nền nho-giả mà giá danh thần⁴¹⁷, chẳng tiên nhưng cũng khác phàm⁴¹⁸, muôn kiếp sử xanh còn để sáng⁴¹⁹. Nay đọc Danh thần truyện, xem Thượng hữu thiên⁴²⁰, trách ai thượng hữu cổ-nhân, sao chẳng nguyện hi⁴²¹ Tử-phòng⁴²², mà lại nguyệt hi Chư-cát Lượng ? »⁴²³

Ngoài những thơ văn như trên đã dẫn, tác-phẩm của Chỉnh còn có :

- NGÔN ẨN THI TẬP (bằng hán-văn) làm từ khi còn hàn-vi (Có in trong NAM-PHONG, tập XIII, trang 79, 64).

- CUNG-OÁN THI (tập thơ nôm), tả nỗi u-hận của các cung-nữ.

- QUÁCH-TỬ-NGHI PHÚ, tả cái phong-lưu nhã-thú của thái-úy nhà Đường : Phần-dương Quách-tử-Nghi.

Có thuyết còn cho Hữu-Chỉnh là tác giả bài TẦN CUNG-NỮ OÁN BÁI CÔNG-VĂN, nhưng chưa đủ bằng-chứng.

Chương V : Nguyễn-huy-Lượng

Nguyễn-huy-Lượng, tức Hữu-hộ-Lượng, trước có làm quan với nhà Lê, sau theo Tây-sơn, được phong Chương-lĩnh hầu.

Ngày mồng 3 tháng năm, năm tân-dậu (1801) vua Cảnh-thịnh (1793-1800) (sau đổi làm Bảo-hưng, 1801-1802), sau khi Phú-xuân (Huế) thất thủ, phải chạy ra Bắc-hà, đóng đô ở Bắc-thành (Hà-nội).

Tháng năm, năm ấy (tân-dậu, 1801), đổi niên hiệu làm Bảo-hưng thứ nhất, vua Tây-sơn sai đắp gò tròn⁴²⁴ ở ngoài cửa ô chợ Dừa và xây bó chằm vuông⁴²⁵ ở hồ Tây để hạ chí và đông chí thì chia ra mà tế tự Trời, Đất. Đó tức là tế-lễ Nam-giao mà các thời đại quân-chủ vẫn thường làm.

Vì có việc đắp chằm vuông ở hồ Tây để tế Trời, Đất này, nên Nguyễn-huy-Lượng mới có bài TỤNG TÂY-HỒ PHÚ :

*« Hương khâm kính xông miền hạo đặng,⁴²⁶
Rượu cung kiền thăm cõi linh u ».*⁴²⁷

Hai câu ấy chính chỉ về việc vua Cảnh-thịnh tế Trời, Đất năm tân-dậu (1801).

Tác giả bài phú ấy gieo đến tám mươi nhăm vần, nội-dung miêu-tả và ca-tụng Tây-hồ ở Thăng-long (nay là Hà-nội), rồi kết thúc bằng mấy vần khen ngợi công-đức nhà Tây-sơn.

« Tụng Tây-hồ phú » là một danh tác ở đương-thời : văn rất điêu luyện, lời rất đẹp đẽ. Chỗ tả hình-thế Hồ-tây, có những câu đầy hình ảnh và màu sắc như : *« Sắc rờn-rợn nhuộm thức lam xanh, ngõ động Bích⁴²⁸ nổi lên giông lẻo-lẻo ; Hình lượn lượn uốn vòng câu bạc⁴²⁹, tưởng vằng Ngân rơi xuống mảnh nhỏ-nhỏ... »*⁴³⁰

Và chỗ tả phong-cảnh hồ Tây : « *Ngang thành-thị, ghé yên-hà* ⁴³¹ *một thú ; Doc phố phường, tung phong nguyệt hai kho* ⁴³² . *Gió hiu hiu giòng Nhị-thủy* ⁴³³ *đưa lên ; lồng hơi mát tới chùm hoa, khóm trúc. Giăng vắng-vặc mái Tam-sơn* ⁴³⁴ *rọi xuống ; đớp bóng tròn từ lũ cá, đàn cò* ». ⁴³⁵

Đến đoạn kỷ-niệm công-đức vua Quang-trung đánh đuổi giặc Thanh, dẹp yên đất nước, giữ vững được nền độc-lập, khiến cho hoa cỏ sông hồ cũng đượm tươi sáng dưới trời Nam, tác giả bài phú ấy đã ghi bằng mấy lời có cái đặc-điểm lịch-sử :

« *Tới mậu-thân* ⁴³⁶ *từ rở vẻ tường vân* ⁴³⁷ *sông núi khắp nhờ công đấng định* ⁴³⁸ . *Qua canh-tuất* ⁴³⁹ *lại tưới cơn thi-vũ* ⁴⁴⁰ , *cỏ cây đều gội đức chiêm nhu* ». ⁴⁴¹

Toàn-văn bài « Tụng Tây-hồ phú » cũng khá dài. Tiếc vì trang sách có hạn, nên không thể dẫn trọn ra đây được.

Sau đó, Phạm-Thái tục gọi Chiêu-Lý (1777-1813) đứng trên lập-trường khôi-phục nhà Lê, phản-đối Tây-sơn, lại phản-đối luôn cả người viết bài « *Tụng Tây-hồ phú* », bèn làm bài « *Chiến tụng Tây-hồ phú* » để chống lại bài của Nguyễn-huy-Lượng.

Ngoài bài Tụng Tây-hồ phú này, Huy-Lượng còn có tập « *Cung-oán thi* » để tả cái hạn « *dê ngầy lá dâu* » ở nơi cung cấm.

KẾT LUẬN

Đời Tây-sơn (1778-1802) tuy ngắn, nhưng trên trang sử Việt-nam cận-đại, đã viết được những chữ rất hùng vĩ, rất sáng ngời ; hai lần chống ngoại xâm và một việc trọng tiếng Việt.

Trận chống ngoại xâm lần thứ nhất là năm giáp-thìn (1784). Bấy giờ Tây-sơn mới quật-khởi ⁴⁴², chính Nguyễn-Huệ đã quét sạch ở Xoài-mút (thuộc Định-tường) bên rạch Gầm hàng hai vạn thủy binh và ba trăm chiến thuyền của Tiêm-la do bốn tướng Xiêm là Chiêu-Tăng, Chiêu-Sương cầm đầu để cứu viện chúa Nguyễn-Ánh. ⁴⁴³

Lần thứ hai là năm kỷ-dậu (1789). Bấy giờ vua Quang-trung mới lên ngôi, chỉ đem ra Bắc có hơn mười vạn quân, vậy mà chưa đầy mười ngày, đã phá tan được hai mươi vạn quân Mãn-thanh, vào sâu tận Thăng-long, do Lê Chiêu-thống rước sang cứu viện.

Bên cái công nghiệp chống giặc ngoài giữ độc lập đầy oanh-liệt ấy, nhà Tây-sơn lại có sáng-suốt là gây được xu-hướng chuộng quốc-văn, đưa quốc-văn lên cái độ cao và rộng hơn hồi cuối Lê khiến nó có một địa vị quan-trọng như những bằng chứng mà trong sách này đã dẫn.

Vì vậy, trong vòng hai mươi bốn năm (1778-1802), quốc-văn gặp nhiều điều-kiện thuận-tiện, đã tiến-triển phát-đạt là thế.

Ngoài cái lượng đáng kể về thơ, phú, chiếu dụ, văn tế và văn từ, ta còn thấy có những khuynh-hướng văn học rõ

rệt, như khuynh-hướng tả chân trong thơ của Hồ-xuân-Hương, khuynh-hướng trữ tình trong bài « *Ai tư vấn* » của Vũ hoàng-hậu. Phê-bình nhân-vật lịch-sử thì như bài « *Trương Lưu-hầu phú* » của Nguyễn-hữu-Chỉnh, miêu tả cảnh vật thì như bài « *Tụng Tây-hồ phú* » của Nguyễn-huy-Lượng...

Tóm lại, quốc-văn đời ấy đã tiến lên một nấc khá cao : văn đã bóng bẩy, nhẹ nhàng, lời đã điêu-luyện, trau-chuốt...

Chính nhờ di-sản quốc-văn đời Tây-sơn để lại hồi đầu Nguyễn, tức đầu thế kỷ XIX, mới mạnh-mẽ bùng lên cái xu-hướng chuộng quốc-văn : nào làm văn tế bằng quốc-văn⁴⁴⁴, nào viết truyện bằng quốc-văn⁴⁴⁵, rồi kết tinh trong tác-phẩm bất-hủ là truyện KIỀU của Nguyễn-Du, một trong Hồng-sơn văn phái.

Viết ngày 18 tháng chạp 1949
Mùng bốn tháng hai 1950.

SÁCH BẢO THAM KHẢO

(xếp theo thứ-tự a b c)

- Dụ-am ngâm tập, Phan-huy-Ích, Sách viết tay.
- Dụ-am văn tập, Phan-huy-Ích, Sách viết tay.
- Đại-Nam chính biên liệt truyện, sơ tập, quyển 30-32, Quốc sử quán triều Nguyễn.
- Dynastie des Tây-sơn, M.L. Cardière, Bác cổ tùng san, tập V, năm 1905.
- Khâm định Việt-sử thông giám cương mục, Quốc-sử quán triều Nguyễn.
- Lê kỷ, Dã sử, Sách viết tay.
- Morceaux choisis d'auteurs annamites, Georges Cordier, Lê-văn Tân, Hà-nội, 1935.
- Nam thi hợp tuyển, Nguyễn-văn-Ngọc, Vĩnh-hưng-long thư quán, Hà-nội.
- Nhà thơ cách-mệnh Hồ-xuân-Hương (Thân-thế, tư-tưởng, thi-phẩm), Sơn Tùng.
- Période des Tây-sơn, M.L Cardière, Bác-cổ tùng san, tập VI, năm 1906.
- Phú nôm, tập dưới, Thái phong Vũ-khắc-Tiếp, Vĩnh-hưng-long thư quán, Hà-nội, 1931.
- Quang-trung, tập I, tập II, Hoa-băng Hoàng-thúc-Trâm, Hà-nội, 1944.

- Quốc-âm thi ca tạp lục, Sách chữ nôm của trường Bác-cổ, Bản chép tay.

- Tri-tân tạp chí

- Việt-nam phong sử, Tiểu-cao Nguyễn-văn-Mại (tựa năm Duy-tân thứ 8), Sách viết tay.

- Việt-nam văn-học sử yếu, quyển I, Lương-quang-Hàm, Nha Học-Chính, Hà-nội, 1943.

NHÀ XUẤT-BẢN SÔNG-NHỊ

19 bis, Hàng Bông thợ Nhuộm – Hà-nội

Đã ra :

- **Đại-Nam Quốc-sử diễn-ca** của Lê-ngô-Cát và Phạm-Đình-Toái. Tựa và dẫn của Hoàng-Xuân-Hãn (2 cuốn trọn Bộ).

- **Lý-Thường-Kiệt** (Lịch-sử ngoại-giao triều Lý) của Hoàng-Xuân-Hãn (2 cuốn trọn Bộ).

- **Việt-luận** của Nghiêm-Toản (3 tập trọn Bộ).

- **Thực-vật học** của Nguyễn-Gia-Tường.

- **Hà-thành thất-thủ và Hoàng-Diệu** (Tài liệu và văn cổ). Dẫn và chú-thích của Hoàng-Xuân-Hãn.

Sẽ ra : Danh-từ chuyên-môn (chính-trị, ngoại-giao, cai-trị, kinh-tế, tư-pháp) của Vũ-Văn-Hiền, Nguyễn-huy-Mẫn và Bùi-tường-Chiêu.

Giấy phép số 107/TXB ngày 28-3-1950
Thư từ và ngân-phiếu xin đề tên bà Nguyễn-thị-
Quyên,
Số 10b, Hàng Bông Thợ nhuộm, Hanoi.
Nhà in VĨNH BẢO SAIGON

SÁCH HIẾU-BIỆT VŨ-VĂN-HIỀN

Giám đốc bộ biên-tập

Đã ra :

- VŨ-VĂN-HIỀN : TIỀN VÀNG VÀ TIỀN GIẤY
- NGHIÊM-TOẢN : VIỆT-NAM VĂN-HỌC SỬ I
- NGHIÊM-TOẢN : VIỆT-NAM VĂN-HỌC SỬ II
- NGUYỄN-HUY-MẪN : HÙN VỐN LẬP HỘI
- BÙI-TƯỜNG-CHIỂU : TỔ-CHỨC LIÊN-HIỆP-QUỐC
- NGUYỄN-TRỌNG-LỰC : TIẾNG NÓI CỦA ĐỒNG RUỘNG
- HOÀNG-THÚC-TRÂM : QUỐC-VĂN ĐỜI TÂY-SƠN

Đang in : ĐIỆN của BÙI-PHƯỢNG-CHI

Sẽ ra tiếp :

- NGUYỄN-DƯƠNG-ĐÔN : THIÊN-VĂN
- HOÀNG-XUÂN-HÃN : HỒNG-SƠN VĂN-PHÁI
- NGHIÊM-TOẢN : NGUYỄN-HUỆ
- HOÀNG-THÚC-TRÂM : TRẦN-HƯNG-ĐẠO
- PHẠM-KHẮC-QUẢNG : NHỮNG BỆNH TRUYỀN-NHIỄM

NHÀ SÁCH VĨNH-BẢO SÀI-GÒN XUẤT-BẢN
TỔNG-PHÁT-HÀNH

BẮC VIỆT : Trần-hợp-Đức, 42, Hàng Đậu – Hà-nội

TRUNG-VIỆT : Nhà sách An-Xuân, 58B. Lê-Thái-Tổ – Huế

CAO-MIÊN : Đào-trọng-Sót, 1, Oknha Mon – Nam-vang



Notes

[← 1]

Trước đây, tôi đã viết xong cuốn « NHÂN TÀI ĐỜI QUANG-TRUNG » (gồm có NGÔ-THÌ-NHẬM. PHAN-HUY ÍCH và VŨ HUY-TẤN) và cuốn « PHÁ CÁI NGHI ÁN NGỌC-HÂN CÔNG-CHÚA ». Nhưng vì nạn binh-cách, hiện nay những thủ-cảo ấy không có trong tay, nên bây giờ viết cuốn sách này, phần thì phải khảo lại đề-tài, phần thì thiếu sót tài-liệu, vấp phải nhiều trở lực rất khó.

[← 2]

Như bài Tụng Tây-hồ phú và bài Trương Lưu-hầu phú.

[← 3]

Như 5 bài văn tế Ngọc-Hân công-chúa, tức Vũ hoàng-hậu chỉ dẫn toàn-văn được 2 bài.

[←4]

Nhà Tây-sơn tuy mãi đến năm mậu-thân (1788), vua Quang-trung mới xưng đế, qua năm sau (1789), đánh đuổi 20 vạn quân Thanh xâm-lược, thống-nhất Nam, Bắc, nhưng truy nguyên ra, phải kể từ năm mậu-tuất (1778) là năm Nguyễn-Nhạc lên ngôi hoàng-đế ở Quy-nhơn, đặt niên-hiệu là Thái-đức.

[←5]

Kể từ Bình-an-vương Trịnh-Tùng (1570-1620), miếu-hiệu là Thành-tổ Triết-vương.

[←6]

Kể từ Đoan-quận-công Nguyễn-Hoàng (1600-1613), được truy-tôn là Thái-tổ Gia-dụ hoàng-đế. Đây gọi « Cựu-Nguyễn » để phân biệt với Tây-sơn là « Tân-Nguyễn ».

[←7]

Tức là Thuận-hoá và Quảng-nam. Nguyễn-Hoàng tuy được vào trấn Thuận-hoá từ năm mậu-ngọ (1558) và đến năm kỷ-tỵ (1569) được trấn cả đất Quảng-nam, nhưng bấy giờ mỗi năm vẫn phải nộp thuế cho Lê, Trịnh : bốn trăm cân bạc và năm trăm tấm lụa. Qua năm quý-tỵ (1593), Trịnh-Tùng mới lấy lại được Thăng-long và từ năm canh-tý (1600) trở đi, Nam Bắc mới thật đối-lập, Trịnh Nguyễn mới thật cát-cứ chống nhau.

[← 8]

Chiếu truyền cho thầy La-sơn Nguyễn Thiệp, kính cần biết rằng...

[←9]

Ngày trước phó-thác thầy về Nghệ-an xem đất làm kinh đô để cho ta kịp
lúc này về ngự...

[← 10]

Sao khi ta về tới đó, chưa thấy thầy làm xong việc ấy nhỉ ?

[← 11]

Vậy nên ta hãy phải trẩy về kinh Phú-xuân (Huế) để ngự và cho quân-lính nghỉ-ngơi.

[←12]

Vậy nay thấy chiều này ban xuống, thày sớm nên cùng trấn-thủ Thận
cộng-sự : lo liệu công việc kinh-doanh.

[←13]

Nên xem đất mà sửa dựng kinh đô, cắm chỗ chính-địa phỏng vào khoảng dân-gian ở, sau phía hành-cung Phù-thạch, gần về mạn núi, hoặc giả chỗ nào là nơi đất tốt có thể đóng đô được thì tùy ở con mắt đạo pháp của thầy định liệu, miễn là sớm sớm làm cho chóng xong.

[← 14]

Giao cho trấn-thủ Thận sớm lập cung-điện, hạn nội ba tháng thì hoàn-thành để ta được tiện về ngự.

[←15]

Thầy chớ nên coi thường việc ấy.

[← 16]

Kính thay, lời chiếu đặc-biệt này.

[← 17]

Tức năm mậu-thân (1788).

[←18]

Ngày mồng một, tháng sáu, năm Thái-đức thứ 11. Theo bản phiên-âm ra quốc-ngữ trong cuốn « QUANG-TRUNG », tập hai, của H.B.H.T.T xuất bản năm 1944, trang 136-137.

[←19]

Trong VIỆT-NAM SỬ-LƯỢC quyển hạ (nhà in Trung-Bắc tân-văn, Hà nội, 1929), tác giả Trần-trọng-Kim có chép : « *Đời Tây-sơn việc cai-trị thường hay dùng chữ nô-m... Khi thi-cử thường bắt quan (có lẽ sót chữ trường) ra bài bằng chữ nô-m và bắt sĩ-tử làm bài bằng chữ nô-m* » (trang 124). Nhưng không thấy tác giả nói rõ đã căn-cứ vào sử-liệu nào.

[←20]

Bấy giờ còn có hai sản-phẩm quan-trọng là CUNG-OÁN-NGÂM-KHÚC của Ôn-như-hầu Nguyễn-Gia-Thiều (1741-1798) và HOA-TIÊN-TRUYỆN của Nguyễn-huy-Tự (1743-1790), nhưng hai nhà văn này là những người sống mãi đến đời Tây-sơn, vậy xin hãy tạm để lại, đợi khi nào có đủ tài-liệu, sẽ có những tập nghiên-cứu riêng về tác-giả Cung-oán-ngâm-khúc và tác-giả Hoa-tiên-truyện.

[←21]

Do chữ trong TẢ TRUYỆN nói rau tần, rau tảo có thể dùng vào việc cúng-tế. Sau dùng rộng, chỉ bốn phận của người đàn-bà giúp việc tế-lễ và nội-trợ tề-gia.

[←22]

Sánh với.

[←23]

Thái-Nhâm, vợ của Vương-Quý, tình tình đoan-chính, thuần-nhất, thành-thực, trang-nghiêm, chỉ làm theo đạo-đức.

[←24]

Thái-Khương, vợ của Chu-Thai-Vương, cũng là một vị vương-phi có hiền đức.

[←25]

Trong kinh THI có thơ « Nam hữu cù mộc » nói người vương-hầu có đức tốt che-chở bao-dung những kẻ dưới.

[←26]

Kinh THI có thơ « Kê minh » nói người đàn-bà khuyên chồng dậy từ gà gáy để đi làm việc.

[←27]

Hãy còn.

[←28]

Hào « Tam » quẻ « Khôn » trong kinh DỊCH là tượng-trưng vợ vua.

[←29]

Hào « Ngũ » quẻ « Kiền » trong kinh DỊCH là tượng-trưng vua chúa.

[←30]

Vua chúa nhờ có vợ hiền, được ngồi yên, nhìn thấy cái cơ mọi việc đều đầu ra đấy.

[← 31]

Gánh vác công việc tề-gia ở trong.

[←32]

Tên một thơ trong thiên CHU NAM ở kinh THI, trong nói con cháu Văn-vương nhà CHU đều hoà-thiện cả.

[←33]

Tên một thơ trong thiên CHU NAM ở kinh THI, trong nói bà hậu-phi không ghen thì con cháu đông-đức như đàn châu-chấu.

[←34]

Thơ thì bằng nôm, đầu đề thì bằng chữ Hán : « Triều-thần hạ vũ thi ». Đây phiên-âm theo bản chữ nôm, trong cuốn QUỐC-ÂM THI-CA TẬP-LỤC, sách viết của trường Bác-cổ, số Ab 296 và có so sánh với bản sao-lục của Ứng-hoè Nguyễn-văn-Tổ, đăng Tri-tân, số 42, ngày 8-14 tháng tư năm 1942, trang 8.

[←35]

Tấm lòng tinh nhất và chân-thành của đình-thần chúng tôi đâu dám mong
thấu được đến trời đất.

[← 36]

Mưa ngọt.

[←37]

Cũng đọc là « cán-triền ». Tài sức xoay chuyển được trời đất.

[← 38]

Hoặc « lâm dân ».

[← 39]

Đồng-nội Ngu Thuấn.

[←40]

Ruộng nhà Chu. Ý ví đời bấy giờ cũng thịnh-trị như đời Ngu Thuấn và nhà Chu.

[←41]

Cái cơ mầu-nhiệm làm sao ! Thành-tâm mà cầu cảm thông đến đấng
thiên-liêng thì điều sở cầu được ứng-nghiem mau-chóng như « vang theo
tiếng ».

[←42]

Trận mưa này báo điềm lúa tốt, có thể vui mừng mà ngâm vãn thơ « được mùa » như trong Kinh THI đã tả đấy.

[←43]

Chúng tôi khó biết lấy gì để báo đáp bề trên.

[←44]

Xin giữ-gìn tấm lòng kính trọng cẩn thận, không dám quên.

[←45]

Tờ chiếu truyền La-sơn phu-tử Nguyễn-Thiệt, một nhà danh-sĩ Nghệ-an.

[←46]

Những bài văn-tế vua Quang-trung mất năm nhâm-tý (1792), văn-tế Vũ hoàng-hậu (tức Ngọc-Hân công-chúa, vợ vua Quang-trung, miếu-hiệu Thái-tổ Vũ hoàng-đế) năm kỷ-mùi (1799), v.v...

[←47]

Như bài hiệu văn niêm-yết ở nơi quân-thứ của quận Diêu (xem chương năm).

[←48]

Vua Cảnh-thịnh sau đổi niên-hiệu là Bảo-hưng (1801-1802).

[←49]

Bài chiếu văn bằng quốc-âm dụ bảo hai tướng là Diệu và Dũng. Nguyên-văn có chép trong DỤ-AM VĂN-TẬP (sách viết trường Bác-cổ, số A604 quyển thứ 5, tờ 5b 7b), nay phiên-âm ra quốc-ngữ và có so-sánh với bản sao lục đã in trong cuốn QUANG-TRUNG, tập hai, trang 277-284 của H.B.H.T.T xuất-bản năm 1944.

[←50]

Xem tiểu-sử ở phần thứ hai sách này.

[← 51]

Hai người.

[←52]

Bậc đại-thần cố-cựu và có công-lao.

[←53]

Vị đại-thần gánh trọng-nhậm nhà nước như cái cầu có cột trụ, cột trụ để chống đỡ lượt đá ở trên.

[←54]

Chỉ Trần-quang-Diệu. Vì vua Quang-trung khi sắp băng, có trối-trắng dặn Quang-Diệu, phải cùng các tướng tá họp sức lại mà giúp đỡ Thái-tử « Phụng-tuân-cố-mệnh » nghĩa là vâng theo lời nói của vua khi sắp chết còn ngoái lại dặn bảo.

[←55]

Giữ-gìn vua giúp cho bản-thân của « ta ».

[←56]

Chỉ Vũ-văn-Dũng cầm quyền coi giữ Thăng-long, làm phen dậu che chắn và cội gốc vững chắc cho nhà vua.

[←57]

Ta coi hai người như chân tay, trái tim và xương bả vai, lấy tình rất thực mà đối đãi.

[←58]

Gần đây vì việc biên-thùý gấp rút...

[←59]

Làm lữ người phải khó nhọc cầm quân ở ngoài.

[←60]

Mưu-tính công việc xếp-đặt phòng-thủ mặt thủy, mặt bộ ra sao để liệu làm ở sau này.

[←61]

Tình trên dưới được thông đạt với nhau.

[←62]

Chưa có mệnh vua đến vờ, đã tự-tiện kéo quân về.

[←63]

Kịp vì mưu-kế lo việc nước, nên mới rút bỏ hình-thức lễ-nghi.

[←64]

Ta cũng chẳng nghiêm-trách những lỗi nhỏ.

[←65]

Hai người tự mình mang lòng ngờ sợ, cách sông đóng quân, không đến ra mắt nhà vua.

[←66]

Đã từng ban chỉ-dụ nhiều lần, vậy mà còn cứ kiểm cố thoái-thoác mà chậm đến.

[←67]

Ta trẻ tuổi cầm quyền-chính.

[←68]

Đối với việc giá-ngự kẻ dưới, lòng tin thực của ta còn có chỗ chưa được
phụ-phỉ một cách mộc-mạc.

[←69]

Thắc-mắc, lo-ngại trong lòng.

[←70]

Điều lỗi của ta.

[←71]

Hiện nay thành Qui-nhơn thất-thủ, giặc mạnh ở trước, vua tôi đồng lòng mưu-toan lo nghĩ còn sợ không kịp...

[←72]

Cuộc biến-loạn ở trong.

[←73]

Nếu ta không đem độ-lượng rộng-rãi mà bao-dung...

[←74]

Giết hại bầy tôi làm tướng.

[←75]

Tự mình cắt lông cánh của mình, lý-thể tất phải nguy-khốn và luân-vong lập tức.

[←76]

Quyền của ông vua dời xuống kẻ dưới, đại-cương phải rồi-ren lộn-xộn.

[←77]

Ta há yên-tâm mà làm thế ư ? Các người há yên-tâm mà làm thế ư ?

[←78]

Không thể trút bỏ nỗi nghi-ngờ.

[←79]

Riêng đem quan-quân thuộc đạo binh của mình tìm đường đi nơi khác.

[←80]

Lòng người sôi-nổi náo-động.

[←81]

Nước địch nhân dịp dòm-dỏ.

[←82]

Bỏ hết công-lao từ trước, ai chịu lỗi cho ?

[←83]

Ta gánh trách-nhiệm nặng-nề đối với tôn-miếu, xã-tắc.

[←84]

Hai người là hạng bầy tôi trọng-yếu như cái gỗ nóc và thân cây của triều-đình.

[←85]

Hai bên cùng ngờ-vực và làm ngăn-trở lẫn nhau.

[←86]

Biến-cổ ngang-ngửa xảy ra.

[←87]

Để tiếng cười lại nghìn năm.

[← 88]

Vài ngày dẫn-dở suy-nghĩ.

[←89]

Ăn ngủ đều kém.

[←90]

Vận-mệnh quốc-gia quan-hệ ở trong chốc-lát này.

[←91]

Sai sứ ruồi ngựa đến dụ bảo một cách thành thực.

[←92]

Lũ người còn chưa cởi lòng, trút bỏ điều ngờ, thì ta lại càng không yên-tâm.

[←93]

Đã xem trong biểu lữ người.

[←94]

Mọi điều xếp đặt cũng là những việc nên làm.

[←95]

Lũ người còn dàn quân-lính ở đối cửa cung-khuyết chưa vào chầu hầu.

[←96]

Tình-nghĩa vua tôi chưa được rõ-ràng chính-đáng.

[←97]

Muốn trước được y theo lời biểu đã tâu rồi mới chịu vào chầu.

[←98]

Vua yếu, tôi mạnh.

[←99]

Lấy binh-quyền hoặc binh-khí để hiếp nhà vua mà can-ngăn việc gì.

[←100]

« Tua » nghĩa là « nên, phải » « tua giữ » cũng như « nên giữ ».

[←101]

Đem lòng thành-thực mà đối-đãi.

[←102]

Trút bỏ điều hiềm-khích nghi-ngờ.

[←103]

Tâu bầy lý-do mọi việc.

[← 104]

Trong quân-sự có những việc gì đáng nên xếp-đặt.

[←105]

Trong quan-lại có ai nên bỏ, có ai nên dùng.

[←106]

Nên bàn với quần-thần trong triều-đình, rồi xin nhà vua ban chiếu-chỉ xuống mà làm theo.

[←107]

Ngõ hầu cái tình trên dưới mới được thông-đạt.

[←108]

Ngõ hầu mọi việc mới gỡ được mỗi đầu.

[←109]

Ngửa lên mới làm phu-phỉ được lòng Tiên-hoàng-đế (chỉ vua Quang-trung)
đã trời-trắng phó-thác.

[← 110]

Không phụ ý ta nường dựa tin cậy.

$[\leftarrow 111]$

Phô-bầy giải tỏ khúc nhô.

[←112]

Không ngại phải nói nhiều lời.

[←113]

Hai khanh hãy nghĩ kỹ đây.

[← 114]

Nay đặc-biệt có lời chiếu này. Hỡi kính-cẩn mà nghe đây.

[←115]

Đây căn-cứ vào lời dẫn của Dụ-am Phan-huy-Ích dưới đầu-đề bài thơ « Thu-phụng quốc-tang cảm-thuật » trong tập DẬ-THI LƯỢC-TOÀN của ông, quyển 3 tờ 6a-b : « Thất nguyệt hối, long-ngự thượng-tân » (Ngày 29 – vì tháng bảy năm nhâm-tí ấy thiếu, ngày 29 bắt làm 30, nên mới nói là HỐI – tháng bảy, nhà vua cười rồing lên chầu Trời). Còn trong cuốn QUANG-TRUNG, tập hai, của tôi in năm 1944, trang 147, nói vua Quang-trung mất ngày 29 tháng 9 năm nhâm-tí, là dựa theo ĐẠI-NAM CHÍNH-BIÊN LIỆT-TRUYỀN SƠ-TẬP, quyển 30, tờ 42b. Nay xét Đ.N.C.B.L.T. ấy nói tháng chín là không đúng. Vậy nhân tiện, xin đính-chính lại.

[←116]

Lễ truy-tôn miếu-hiệu này làm vào tháng 11 (trung-đông) năm kỷ-mùi (1799).

[←117]

Các bạn độc-giả coi bài văn tế Vũ hoàng-hậu ở chương này và xem tiểu sử Ngọc-Hân công-chúa ở phần thứ hai, bấy giờ sẽ thấy những thuyết của nhiều nhà văn hiện nay, hoặc bảo Ngọc-Hân sau lại lấy vua Gia-long (1802-1819), hoặc bảo ba mẹ con Ngọc Hân đều phải chịu hình-phạt « tam ban triều điển » của nhà Cựu-Nguyễn, đều sai sự thực cả.

[←118]

Theo lối tang-tế xưa, thì người đứng chủ-tế trong lễ ấy gọi là người « chịu chén » nghĩa là nhận lấy chén mà uống chút rượu sau khi đã tế vong-giả rồi.

[←119]

Còn bài « Công-chúa chư nha điện-văn » (các công-chúa đứng tể), xin xem ở phần thứ hai nói về các tác-giả đời Tây-sơn.

[←120]

Tên một cung, chỗ ở của hoàng-hậu. Sau dùng để chỉ hoàng-hậu : nói lập cung trường-thu cũng như nói lập hoàng-hậu.

[←121]

Vườn hoa nhà vua.

[←122]

Hai vế này ý nói : bà Ngọc-Hân được lập làm hoàng-hậu mới ít lâu, đang rực rỡ như vầng trăng vằng-vặc, thì đóa thiên-hương bỗng tàn tạ (tức là bà chết), làm cho vườn ngự mất thơm.

[←123]

Chỗ đến chơi thật, chỉ chỗ người chết đến ở.

[←124]

Tấm lòng triu mến lâu dài mãi mãi.

[←125]

Giọt nước ở sông nhà trời. Ý nói bà Ngọc-Hân là dòng giống nhà vua họ Lê.

[←126]

Cũng như « gây nên ».

[←127]

Chữ trong thơ QUAN THƯ ở kinh THI : cái duyên thực-nữ sánh đôi với quân-tử thật là đẹp-đẽ.

[←128]

Tu-thân và tề-gia. Ý nói Vũ hoàng-hậu giúp Vũ hoàng-đế trong việc nội-trị.

[←129]

Khúc hát « Chim quan-thư ở bãi sông » tức là thơ QUAN-THƯ ở đầu thiên QUỐC-PHONG trong kinh THI tả nỗi vui-hòa mà có riêng-biệt.

[←130]

Khuôn mực người đàn-bà theo đúng lễ-nghi và đức-hạnh như đã nói trong thiên NỘI TẮC ở kinh LỄ.

[←131]

Một người có nhân làm cho cả nước dấy lòng nhân, một người biết nhường làm cho cả nước có lòng nhường.

[←132]

Do chữ « đồng-quản » là « bút quản-đỏ ». Người xưa cầm bút đỏ chép những chuyện phụ-nữ đáng để khuyên răn.

[←133]

Do chữ « kim-sách » là sách phong các vị hậu, phi xưa.

[←134]

Do chữ « đỉnh hồ ». Trong sử PHONG THIÊN THƯ có chép : Vua Hoàng-đế đúc xong cái vạc (đỉnh) ở dưới núi Kinh-sơn thì cưỡi rồng lên tiên. Người sau gọi chỗ đó là Đỉnh hồ. Đời nhân dùng để chỉ cái chết của vua chúa.

[←135]

Do chữ « di cung ». Vua chết rồi chỉ còn cái cung để lại khiến cho mọi người thấy cung mà ngậm ngùi. Ý nói vua Quang-trung đã mất.

[←136]

Quẻ Khôn tượng-trưng về đàn-bà. « Cung Khôn » tức là Hoàng-hậu. Đây chỉ Vũ hoàng-hậu.

[←137]

Vương vù có mấ con ở dưới gổi.

[←138]

Hai vế này ý nói : khi vua Quang-trung mất đi. Vũ hoàng-hậu khôn xiết
bùi-ngùi đau-đớn, những toan tự-tử (chìm châu là trầm mình ; nát ngọc là
hủy-hoại thân-thể) để theo chồng, nhưng ngặt vì dưới gối bà hãy còn hai
mụn con thơ, nên phải gượng-gạo ở lại để chăm-nom nuôi-nấng con (vun
quế, quên lan) vậy.

[←139]

Từ tuổi thơ-ấu.

[←140]

Giữ lòng hiếu-thảo, nhớ nghĩ đến cha đã mất.

[←141]

Được thừa-thuận cái đức hiền-từ, ý nói được xum-vầy dưới gối Vũ hoàng-hậu. Bà Ngọc-Hân tuy lấy lễ vua Quang-trung nhưng khi ngài lên ngôi thì bà được lập làm Bắc-cung hoàng-hậu ngang hàng với chính-cung hoàng-hậu Phạm-thị, người Qui-nhơn, mẹ đẻ của vua Cảnh-thịnh. Bấy giờ vua Cảnh-thịnh coi bà vào hàng « mẹ », nên bài văn tế này mới nói là « từ-đức », vì theo lễ bà là thứ-mẫu.

[←142]

Lấy cái quý-hiền của người làm vua mà phụng-dưỡng, gọi là « vinh-dưỡng ».

[←143]

Nói theo ý-chí của người trước, tức Vũ hoàng-đế.

[← 144]

Làm cho đến nơi tấm lòng hiếu kính.

[←145]

Do chữ kinh THI nói trồng cỏ huyên (ta gọi cây hoa hiên) nơi bắc đường là chỗ mẹ ở, nên ta thường dùng « nhà huyên » hay sân huyên để chỉ mẹ. Ý nói nhiều con mừng được sum-vầy với Vũ hoàng-hậu.

[←146]

Cảm-phục cái khuôn-phép của mẹ.

[←147]

Lần lượt đổi thay với các em mà châu hầu mẹ để làm mẹ vui.

[←148]

« Áo vi » là áo tể của hoàng-hậu. Ý nói phảng-phất tưởng nhớ đến dung-nghi Vũ hoàng-hậu.

[← 149]

Mong Vũ hoàng-hậu được thêm tuổi thọ.

[←150]

Hiềm vì cái cơ-mẫu tạo-hóa xoay vần không lường trước được.

[←151]

« Trường thúy » là chỗ đàn-bà ở. « Bữa ngọc » là bữa cơm. « Lò đan » chỉ thang thuốc. Ý nói vì sương nắng trái tiết, bà nhuộm bệnh, ăn kém, thuốc uống không chuyển, làm cho vua Cảnh-thịnh băn-khoăn lo buồn...

[←152]

Phút chốc bà bỏ trần-gian, tiêu-dao ở non Bồng, vườn Lãng là chỗ cảnh tiên. Ý nói bà mất.

[←153]

« Lễ là nhân tình người mà đặt ra tiết văn ». Nay làm lễ tế là do chút tình thương nhớ. Có làm được thế thì đạo con mới trọn và lòng con mới yên.

[←154]

« Người có đức thì tất được thọ ». Bây giờ thử bắc đồng cân ; Vũ hoàng-hậu là người có đức, thế mà lại kém thọ : thật không thẳng-bằng, không xứng đáng !

[←155]

Quyển-luyện và yêu-thương.

[←156]

Ý nói : mặc dầu Vũ hoàng-hậu được đức Tiên-đế (tức vua Quang trung) đoái thương yêu mến, sinh được vài mụn con hãy còn măng-sữa thơ-ngây, làm cho bà càng vẻ-vang bề-thể...

[←157]

Cái thành cũ. Chỉ nhà Lê đã mất.

[←158]

Triều Tây sơn ban ơn cấp lộc cho những người trong họ Lê được cử ra để giữ tế-tự và coi lăng-tăm nhà Lê. Việc này được đặt làm như một điển-lệ, và lệ ấy đến đời Cảnh-thịnh vẫn noi theo.

[←159]

Ý nói : mặc dầu nhờ Vũ hoàng-đế, nhà Lê còn được tỏ đèn sáng hương ở nơi thành cũ, vẫn được nhuần thấm trong ơn chu tuất một cách dồi-dào...

[←160]

Tắc vuông, do chữ « phương thốn », nghĩa là tấm lòng. Ý nói : ...nhưng lòng con bao giờ cũng vẫn một mực tín kính thành-thực đối với mẹ.

[←161]

Chắc lòng này thế nào cũng thấu tới tinh-linh anh-sáng của mẹ.

[←162]

Chữ trong sách TUÂN TỬ. Chỉ người được dân yêu như tiêu lan thơm-tho.

[←163]

Ý nói Vũ hoàng-hậu như chồi tiêu-lan được dân ưa chuộng, nay đã tàn-tạ ở trước thềm rồi !

[←164]

Ngọc cư, ngọc vũ, đó đeo làm trang-sức của đàn-bà xưa. Ý nói Vũ hoàng-hậu mất, làm cho trong cung vắng-vẻ lạnh-lùng tưởng nhớ đến dấu tích của bà lúc còn sống.

[←165]

Bà mất đi, cái ước-nguyện « đồng sinh đồng tử » với Vũ hoàng-để chắc nay được trọn-vẹn rồi.

[←166]

Cây mọc hai gốc liền nhau. Ý nói lăng bà ở bên lăng Vũ hoàng-đế, mạch đất cảm-thông, mọc cây liền gốc.

[←167]

Khí thiêng của bà còn mãi lâu dài. Mùi rượu « sưởng » dùng để cúng tế bà ở nhà thanh-miếu đời đời thơm nức. Ý nói tinh-thần bất-diệt và hương-hỏa nghìn thu.

[←168]

Nay nhân : xa cách chiếc xe chở linh-cữu...

[←169]

...và bấy đồ nghi trượng đưa đám...

[←170]

« Khâm » là cỗ xe trang-sức bằng da ; « vệt » là đồ nghi-trượng hộ-vệ.

[←171]

Cũng như nói « âm, dương cách trở ».

[←172]

Dâng tiệc rượu để làm lễ điện-tế.

[←173]

Làm bốn-phận đối với mẹ cho « đạo thường » được tỏ rệt.

[←174]

Tiếng đương-thời dùng để xưng-hô Nguyễn-Huệ, bấy giờ ngài mới làm Long-nhượng tướng quân, nhưng giữ hiệu lệnh, cầm quân đi đánh dẹp, nên người ta kêu là « đức lệnh ».

[←175]

Xem tiểu-sử ở phần thứ hai.

[←176]

Nay chưa đủ tài-liệu để phê-phán bài hịch này, nên xin hãy tạm nhắc đến với hết cả mọi sự dè-dặt.

[←177]

Kể rõ tội-trạng, làm việc đánh dẹp, dứt họ Trịnh, phò nhà Lê.

[←178]

Bấy giờ bầy tôi thì gian-nịnh, chúa thượng thì ngu tối ; chắc là lúc lòng trời đã muốn thay đổi cho nước được trị, thiên-hạ được bình đây.

[←179]

Lại gặp lúc binh Tam phủ thì kiêu-rông, nhân-dân thì oán-giận ; chính là lúc người có tài lớn phải ra để sửa sang lại giường mỗi.

[←180]

Dòng-dối Nguyễn-Hoàng do Cựu-Nguyễn, Tây-sơn là Tân-Nguyễn.

[←181]

Theo truyện « Nguyễn-văn-Nhạc » trong ĐẠI-NAM CHÍNH-BIÊN LIỆT-TRUYỀN, sơ tập, quyển 30, tờ 15b-16a.

[←182]

Không rõ tên họ.

[←183]

Theo « lời đầu » bằng chữ nho đặt trên bài hiệu-văn của tác giả Phan-huy-Ích.

[←184]

Ông tướng vâng mệnh vua cầm binh-quyền ở ngoài biên-cương.

[←185]

Người ta sinh ra được Trời phú-bẩm cho tấm lòng biết giữ đạo thương.

[←186]

Do chữ « thang mộc ấp » mà ra. Nguyên xưa, theo chế-độ phong-kiến, thiên-tử cho chư-hầu ấp thang mộc (nghĩa đen : tắm gội) khiến chư-hầu lấy lợi thu được trong ấp ấy dùng vào việc tắm gội để tiện trai giới mà giữ lấy sự thanh sạch cho mình. Sau dùng rộng ra « thang mộc » là chỗ đất phát-tích của đế vương.

[←187]

Chỉ về vua Thái-đức và vua Quang-trung ban đầu đều dấy lên từ thành Qui-nhơn.

[←188]

Hội gió mây gặp gỡ. Do chữ trong kinh DỊCH : « vân tòng long, phong tòng hổ » (mây gặp rồng, gió gặp hổ). Ý nói tao-phùng đẹp hội, chính là dịp tốt để tài trai bay nhảy.

[←189]

Do chữ « danh thùý giản bạch » mà ra. Nghĩã là tên đợc ghi vào thẻ tre, mặt lụa (vì xưa chưa có giấy viết) để tiếng thơm về sau.

[←190]

Công tôn-phò giúp đỡ nhà vua.

[←191]

Cái giáo lười nhon.

[←192]

Do điển vua Hán-Cao khi qua ấp Bái (nay là Bái-huyện thuộc Giang-tô bên Tàu), đặt tiệc, gõ nhịp, hát bài Đại phong. Ý nói Tây-sơn vừa mới mừng cuộc thành-công ở Qui-nhơn là chỗ quê nhà.

[←193]

Cá kình là tượng-trưng về biến-loạn giặc-giã.

[←194]

Vì bấy giờ thành Qui-nhơn thất-thủ, có quân Cựu-Nguyễn đóng án-ngũ, nên đường lối từ đèo Bến-đá đến Qui-nhơn không liên lạc với nhau được.

[←195]

Kẻ giữ đất-đai của ngõ một nước.

[←196]

Chỉ việc Bảo đem thành Qui-nhơn xuống hàng Cựu-Nguyễn.

[←197]

Bọn dân lành.

[←198]

Vì bắt ép mà phải gượng theo.

[←199]

Lời khua giục, dụ-dỗ.

[←200]

Phản nản, than-thở.

[←201]

Chỉ bên Cửu Nguyễn vẫn còn tung-hoành.

[←202]

Nông-nỗi sa mắc vào lòng đau khổ.

[←203]

Do chữ « tiêu y, cán thực » mà ra. Ý nói gặp lúc quốc-gia đa-sự, nhà vua (chín lần : cửu-trùng) bao xiết thương xót nhân-dân. Nhà vua vì bận rộn quá, sớm đã phải thay áo, đêm mới được ăn cơm.

[←204]

Mong nhân-dân được đặt yên trên đệm chiếu (do chữ « nhắm tịch ») êm
ấm như thửa trước.

[←205]

Trên vâng lời vua phán dạy, lo tính mưu-chước dẹp giặc.

[←206]

Coi giữ việc binh, thẳng trở ngọn cờ đào.

[←207]

Chỉ Trần-quang-Diệu.

[←208]

Do điển : trong cung nhà Hán trồng nhiều cây phong ; nên về sau, người ta dùng chữ « đèn phong » để chỉ triều-đình.

[←209]

Do điển : Chu-á Phu đời Hán làm tướng đóng quân-doanh ở Tế-liều. Nhân thế đời sau dùng « trưởng liểu » hay « dinh liểu » để chỉ chỗ quân-doanh.

[←210]

Quận Diệu tiến vào Qui-nhơn, bấy giờ nhằm buổi đầu xuân.

[←211]

Ông tướng ở nơi màn-trướng (ngày xưa, khi hành-binh viên chủ sớ cùng các tướng tham-mưu thường vây màn để bàn-bạc quân-sự, nên gọi là sớ-mạc).

[←212]

Cũng như nói « lòng người, lòng dân ».

[←213]
Ngờ, sợ.

[←214]

Ta cho kẻ thân-tình, người cố cựu biết rằng có hai đường đây : theo đảng nào, tránh đảng nào thì chọn đi.

[←215]

Bỏ điều mê-man, quay về đường thiện.

[←216]

Dấu vết không lành.

[←217]

Biết tình-ngộ ăn năn lỗi trước.

[←218]

Vận-hội thái-bình.

[←219]

Bái-quận nguyên là nơi quê-hương của Hán Cao-tổ. Sau dùng rộng ra, là nơi rau rốn của một đế-vương. Người « Bái-quận » đây chỉ người Qui-nhơn, chỗ quê-quán của Tây-sơn.

[←220]

Rất ơn-huệ khắp cả mọi người.

[←221]

Nếu không sớm muộn biết chọn lấy đường tránh dữ theo lành thì...

[←222]

...Khi người ta nổi giận, thẳng tay trừng-trị, bấy giờ các người sẽ như tình-cảnh núi Côn-sơn bị thiêu : không cứ ngọc hay đá, cỏ cây đều cháy rụi hết.

[←223]

Phiên-âm theo bản chữ nôm trong DỤ-AM VẮN-TẬP, quyển 5, tờ 13a-14b và có so-sánh với bản sao-lục, trong QUANG-TRUNG, tập hai, của H.B.H.T.T., trang 284-292.

[←224]

Chữ « quang » 光 trong hiệu của cha là Quang-trung có chữ « tiểu » là « nhỏ » ở trên đầu.

[←225]

Chữ « cảnh » 景 trong hiệu của con là Cảnh-thịnh cũng có chữ « tiểu » là « nhỏ » ở dưới chân.

[←226]

Tính từ năm kỷ-dậu (1789) là năm Lê mất, vua Quang-trung mới thật trị-vì, đến năm nhâm-tuất (1802) là năm nhà Tây-sơn bị diệt thì vừa mười bốn năm trời.

[←227]

Cũng giống ý-nghĩa ở lời chú thích trên.

[←228]

Cũng giống ý-nghĩa ở lời chú thích trên.

[←229]

Tức năm 1802, nhà Tây-sơn mất.

[←230]

Định-vương bấy giờ mới mười hai tuổi.

[←231]

Nay thuộc huyện An-khê, tỉnh Bình-định.

[←232]

Xem tiểu sử ở phần thứ hai.

[←233]

Ba phủ Hà-trung, Thiệu-hoa và Tĩnh-gia.

[←234]

Xem toàn văn và chú-thích ở phần thứ hai.

[←235]

Băng mình đến thư-hiền mà trông về phía Bắc.

[←236]

Ý nói chủ-nhân là người có chí theo đuổi thi thư và có tính yêu âm-nhạc, trên chiếu (tịch) trong nhà thường chứa đầy những sách và đàn.

[←237]

Do chữ « đào lý » trong sách THÔNG-GIÁM nói về Địch-nhân-Kiệt đời Đường : « Đào mạn trong thiên-hạ đều ở cửa nhà ông ». Sau dùng để chỉ những cảnh môn-tường thịnh-đạt, có nhiều học-trò làm nên.

[←238]

Màn trướng cửa viên, tức là nơi tham mưu của ông tướng.

[←239]

Sảnh đường và đài-các là chỗ làm việc của các quan-liêu cao-cấp xưa.

[←240]

Ý nói khi đức lệnh Nguyễn-Huệ cầm cây việt ra Bắc-hà thì Ngọc Hân đẹp duyên loan phượng với ngài. Khi ngài lên ngôi hoàng-đế thì bà được lập làm Bắc-cung Hoàng-hậu.

[←241]

Xem toàn văn và chú-thích ở chương năm trong phần thứ nhất này.

[←242]

Có bản chép :

« *Nhìn xem phong-cảnh vui là thế,
Nỡ để tri-âm khách nhạt-tèo !* »

[←243]

Có bản chép :

« *Nhìn xem phong-cảnh vui là thế,
Nỡ để tri-âm khách nhạt-tèo !* »

[←244]

Xem chương nói về « Nguyễn-hữu-Chỉnh » ở phần thứ hai.

[←245]

Tác-giả là Nguyễn-huy-Lượng (xem phần thứ hai).

[←246]

Nãi ông, chỉ Hán Cao-tổ, khi phong chư hầu, Hán-Cao, có làm khoán ước bằng sắt thếp chữ vàng, thề rằng : « *dẫu núi mòn sông cạn, con cháu chư hầu cũng vẫn được đời đời nối tước* ».

[←247]

Bài văn tế của Phan-huy-Ích nghĩ đỡ các bà con họ ngoại bên Phú ninh (quê mẹ của Vũ hoàng-hậu) viếng Vũ hoàng-hậu.

[←248]

Ở nơi cung đình, đầm ấm những hơi tốt lành.

[←249]

Trong năm năm giúp Hán Cao-tổ, Lưu-hầu Trương-Lương uốn ba tấc lưỡi bày mưu lập kế, đã thành-công trong việc trả cái thù nhà Tần diệt nước Hán và báo cái oán Hạng-Vũ giết vua Hán rồi.

[←250]

Ban đêm, khi nghe giọt lậu (dùng vào văn vần, có thể viết là « lầu » được) thánh-thót, thì chạnh lòng thương nhớ, bụi ngùi xiết bao !

[←251]

Một truyện nôm dựa theo cốt truyện ĐỆ BÁT TÀI-TỬ HOA TIÊN KÝ của Trung-hoa xưa : tuy là một truyện ngôn-tình, mà có ngụ-ý khuyên răn về luân-lý. Văn gọt rũa nhưng dùng nhiều điển-cổ trong sách Hán-văn. Truyện HOA-TIÊN có ảnh-hưởng lớn đến tác giả truyện KIỀU, vì có nhiều câu hoặc giống hẳn hoặc hơi giống trong truyện KIỀU.

[←252]

Cùng họ với Nguyễn-Du, tác giả truyện KIỀU làm vào đầu thế kỷ mười chín.

[←253]

Đổi lại vế của Đặng-trần-Thường đã ra : « *Ai công hầu, ai khanh tướng,
trong trần ai, ai dễ biết ai ?* »

[←254]

Tương truyền Ngô-thì-Nhậm, thuở bé, còn có đôi câu đối bài Phậ, nhưng thời gian làm câu đối này ở vào cuối đời Lê Cảnh-hưng (1740-1786) thì nó lại thuộc về quốc-văn đời Lê-mạt : « *Nếu không dâm-dục bao giờ con ai để thán tư mông tám ? Sao lại tham lam lắm mấy của nhà ai mất một đồn mười !* »

[←255]

Tác giả sẽ có sách riêng về Hồ-xuân-Hương nhan đề là Nhà thơ cách-mệnh
Hồ-xuân-Hương – Thân-thể – Tư tưởng – Thi phẩm.

[←256]

Thuộc tỉnh Vĩnh Yên.

[←257]

Hoặc « Đã giả rồi ».

[←258]

Hoặc « Tung hê ».

[←259]

Hoặc « Hạt sương dưới chiều chau mày khóc ».

[←260]

Hoặc « Giọt máu trên tay mím miệng cười ».

[←261]

Hoặc « Ới chàng ôi, hỡi chàng ơi ».

[←262]

Hoặc « Thiếp bén duyên chàng có thể thôi ».

[←263]

Hoặc « ...đây nhé ! »

[←264]

Tiền gián kém giá tiền quí. Năm quan tiền gián chỉ ăn ba quan tiền quí.

[←265]

Tiền gián kém giá tiền quí. Năm quan tiền gián chỉ ăn ba quan tiền quí.

[←266]

Theo lối dệt bằng khung cửi kiểu xưa, thì chỗ thẳng trên đầu người ngồi dệt có treo một « con cò » hoặc « con chim » bằng gỗ ; mỏ cò ngậm dây để kéo tấm gỗ khâu sợi lẻ, đuôi cò tha dây để kéo tấm gỗ khâu sợi chẵn.

[←267]

Ổng suốt cuộn sợi đặt trong lòng thoi, đưa đi đưa lại để dệt thành sợi ngang.

[←268]

Trước khi dệt vải phải ngâm sợi, hồ cơm, phơi khô rồi mắc cửi.

[←269]

Dệt vải rồi đến mùa thu nắng hanh, mới đãi nâu, hoặc nhuộm màu.

[←270]

Ở xã-hội ta xưa, đầu xuân hội-hè, dân-gian thường có những thú chơi như : đánh đu, đánh cồng... Bài « đánh đu » này được tả trước mắt nhận xét rất đúng của nữ-thi-sĩ.

[←271]

Tức là lưng.

[←272]

Xưa ta chuộng màu đỏ, cho đỏ là tượng trưng sự vui mừng, nên những ngày tết-nhất, đình-đám, hội-hè thường mặc quần đỏ.

[←273]

Thiếu hai câu đầu.

[←274]

Thiếu câu thứ bảy.

[←275]

Hoặc « Đêm ngày lẫn lộn đám cỏ hôi ».

[←276]

Bài này còn thiếu bốn câu dưới nữa. Bạn nào nhớ, xin làm ơn bổ chính cho.

[←277]

Tiếng xưa và tiếng thông-tục thường nói « mấy » tức là « với ».

[←278]

Hạng nhà quyền-quí xưa thường nấu cơm bằng vạc (đỉnh) và đến bữa ăn thì đánh chuông (chung), nên người ta dùng thành ngữ « đỉnh chung » để chỉ sự phú quý.

[←279]

Tức là vú.

[←280]

Người làng Phù-ninh (vì thế, về sau, Ngọc-Hân được lập làm hoàng-hậu thì người ta tôn bà Nguyễn-thị-Huyền là « Phù-ninh tử cung »), tổng Hạ-dương, phủ Từ-sơn (nay thuộc tỉnh Bắc-ninh).

[←281]

ĐẠI-NAM CHÍNH-BIÊN LIỆT-TRUYỆN, SƠ-TẬP, quyển 30, tờ 40a.

[←282]

« Phù-ninh ngoại tộc điện-văn » của Phan-huy-Ích.

[←283]

Được chọn lấy cái chết trong ba cách : một, thắt cổ bằng tấm lụa ; hai, uống chén thuốc độc ; ba, tự-sát bằng gươm.

[←284]

Lỗi xưa, người chết được kể thêm một năm đang sống dở làm một tuổi nữa. Ví-dụ : bà Ngọc-Hân mất năm kỷ-mùi, mới có hai mươi chín tuổi nhưng được hưởng hết năm kỷ-mùi, thì có thể kể là ba mươi tuổi.

[←285]

Theo bản sao-lục và chú-thích của T.T (Thúc Trâm) đăng ở tạp chí TRI-TÂN, số 20, 21 ngày 24 và 31 tháng mười 1941.

[←286]

Cây tiêu có nhiều trái mà hạt thì thơm. Đời Hán, chỗ ở của hoàng-hậu gọi là « tiêu-phòng », lấy nghĩa rằng mong cho vợ vua được đông con nhiều cháu. Người ta còn dùng hột tiêu để xoa vào tường vách, vì cho rằng nó có khí ấm-áp.

[←287]

Mộ giả vua Quang-trung ở Linh-đường (gần cầu Tiên) giáp làng Đại-từ, thuộc huyện Thanh-trì, tỉnh Hà-đông. Ý nói : khi thương nhớ, buồn mắt xa trông mộ giả ở vùng cầu Tiên, chỉ thấy mịt-mờ khói tỏa nào đâu bóng người thân-yêu ? Còn hai chữ « đỉnh non », chừng tác giả phóng bút thêm vào cho văn-vẻ.

[←288]

Chỉ việc vua Quang-trung ra Bắc, diệt Trịnh, phù Lê.

[←289]

Sáng rực như ánh mặt trời.

[←290]

Xưa có nhà có nhiều con gái, cháu gái, khi kén được rể rồi, liền cho cách màn mà rút dây : hễ rút được cô nào thì lấy cô ấy làm vợ, vì người chủ hôn không biết gả ai, đừng ai.

[←291]

Chỉ vua Lê Hiên-tôn.

[←292]

Yêu hoa yêu cả đến gốc cây hoa. Ý nói vua Quang-trung thương yêu Ngọc-Hân mà đoái-hoài đến cả gốc-gác họ Lê.

[←293]

Khắp mọi người thân-thuộc trong họ nhà Lê đều được nhờ ơn vua Quang-trung.

[←294]

Lễ tế về mùa thu gọi là « thường », lễ tế về mùa đông gọi là « chưng ». Ý nói nhờ vua Quang-trung, tôn-miếu nhà Lê được tỏ đèn, sáng hương.

[←295]

Tùng và thu là hai thứ cây người ta thường giồng ở mộ-địa. Ý nói nhờ vua Quang-trung, lăng tẩm nhà Lê được giữ-gìn nguyên-vẹn.

[←296]

« Hòe quế » làm thành ngữ chỉ bóng về con gái. Ý nói Ngọc-Hân bấy giờ đã sinh được mấy con, nhờ vua Quang-trung như khí dương soi chiếu cho cây-cối, nên từ cành tới rễ đều được tốt tươi.

[←297]

Do chữ « thọ tử Nam-sơn » trong kinh THI, ý nói cầu chúc cho vua Quang-trung được thọ như núi Nam.

[←298]

Trong kinh THI có thơ Thiên-bảo bày tỏ những lời chúc mừng thiên-tử.

[←299]

Phong-nhân ở đất Hoa chúc vua Nghiêu : đa thọ đa phúc và đa nam.

[←300]

Ước nguyện vợ chồng cùng nhau sống đến trăm năm đầu bạc.

[← 301]
Ngõ hầu.

[←302]

Đã cầu đảo các miếu thần-linh để mong cho vua Quang-trung được qua khỏi.

[←303]

Sum hợp và chia tan.

[← 304]

Thường buồn và vui-vẻ.

[←305]

Gấp rút biết bao, mau kíp đường nào !

[←306]

Hình dung đáng vẽ.

[←307]

Cách biệt, vắng khuất.

[←308]

« U » là tối-tăm, chỉ cõi « âm ». « Minh » là sáng sủa, chỉ cõi « dương ».

[←309]

Có lẽ là « nong-nả », nghĩa là sốt ruột nóng lòng.

[←310]

Thành-Thang (1783-1754 trước Công-nguyên) là vua nhà Thương, đánh chúa Kiệt nhà Hạ để cứu dân khỏi vòng đau khổ.

[←311]

Chu Võ-vương (1122-1115 tr.C.n.) lật đổ chúa Trụ nhà Thương, thực-hành công-việc giải-cứu dân-chúng.

[←312]

Ghi vua Quang-trung lúc đầu chỉ là một người dân thường, mặc áo vải, phất cờ đào, khởi-nghĩa ở Tây-sơn.

[←313]

Đường-Nghiêu (2357-2257 tr.C.n.) là một vua hiền của Trung-hoa xưa.

[←314]

Ngu-Thuấn (2255-2207 tr.C.n.) cũng là một vị minh-quân đời xưa của Trung-hoa.

[←315]

« Chín châu » là do chữ « cửu châu » mà ra. Xưa Trung-hoa chia trong nước làm chín châu, nên sau, người mình quen dùng cái thành ngữ « chín châu » để chỉ đất nước.

[←316]

Tuổi của vua. Xưa quen dùng « rỗng » để tượng-trưng về vua chúa.

[←317]

Ý nói giá Ngọc-Hân có thể đem thân mình mà thế mạng để vua Quang-trung được sống lâu thêm thì cũng xin làm cho thỏa lòng thần-thiếp.

[←318]

Lời trối-trăng của vua Quang-trung trước khi chết.

[←319]

« Xuân » ví với vua Quang-trung, « hoa » ví với Ngọc-Hân.

[←320]

Những muốn chết theo chồng dù có treo cổ trên rường nhà hoặc trảm mình xuống giếng nước cũng chẳng quản-ngại.

[←321]

Chỉ vì còn hai mụn con hãy còn mắng sữa trứng nước.

[←322]

Chưa thể dứt tình mẫu-tử mà chết được.

[←323]

Tức là núi Bồng-lai, tên một núi tiên hoặc núi thần. Theo SỬ-KÝ của Trung-hoa thì Bồng lai ở trong Bột-hải, tại đó có các tiên và thuốc bất-tử, có chim muông tuyền trắng và cung khuyết bằng vàng ngọc.

[←324]

Tức là sông Vân-hán, cũng có tên là Ngân-hoàng, hoặc Thiên-hàng, hoặc Thiên-hà. Những đêm mây tạnh trời quang, nhất là những đêm cuối hạ đầu thu, trên khoảng-không hiện ra một dải sắc trắng đục mờ, loăng-loăng như khúc sông, rộng từ 10 đến 15 độ, đó là do vô số hằng tinh sáng mờ hợp thành mà người ta quen gọi là sông Ngân, lâu ngày thành cái thành ngữ chỉ về cõi nhà trời.

Ý nói chiêm-bao thấy mình theo vua Quang-trung hoặc vào cõi tiên, hoặc lên trời.

[←325]

Chỉ về chỗ ở của vị thiêng-liêng. Xuất xứ ở NGUY-THƯ, chép Lão-tử nói mình sinh trước trời đất, để giúp muôn loài, ở nơi « Ngọc kinh » làm chính-tông của bậc thần-vương.

[←326]

Ước nguyện cùng sống với nhau.

[←327]

Gần gụi nhà vua trong khoảng một gang, một tấc.

[←328]

Hai cỗi âm dương phân chia mỗi người một ngả.

[←329]

Không thể nhanh chóng hỏi thăm tin-tức khởi-cư của nhau khi ấm khi lạnh ra sao được.

[←330]

Ý nói cái chết cắt dây ân-ái nửa chừng của vợ chồng cũng như đàn cầm đang gãy, mới được nửa cung, dây đứt phím gãy.

[←331]

Tức là con cuốc ; chữ nho gọi là « tử-quì » hoặc « đỗ-quyên » hoặc « đỗ vũ ». Tiếng cuốc khắc khoải ai-hoài, dễ gợi lòng người nhớ-nhung buồn-bã...

[←332]
Cối tiên.

[←333]

Cung điện nhà Hán (202 tr.C.n. – 220 s.C.n).

[←334]

« Đôi ngày » cũng như « đòi phen », nghĩa là nhiều ngày.

[←335]

Đau xót rằng vợ chồng đang sum họp đẹp-để nay bỗng chia rẽ lẻ loi.

[←336]

Lòng thương nhớ. Có người đoán ba chữ « bụng ai-hoài » có lẽ là « bóng phượng loan ».

[←337]

Vội vàng chia ghẽ (rẽ). Có bản chép là « lạnh ghẻ ».

[← 338]
Ngõ hầu.

[←339]

Có bản chép là « mong ớn ».

[←340]

Tinh-anh thiên-liên sáng-láng.

[←341]

Cái cơ-cuộc của người sống.

[←342]

Chỉ Thái-tử lúc còn thơ-ấu.

[←343]

Lấy chữ trong kinh THI : « Di quyết tôn mưu », để lại mưu-mô lo toan cho con cháu.

[←344]

Thơ Lân-chỉ trong kinh THI nói đầm vợ vua sinh nhiều con hay và quý.

[←345]

Ý nói mấy con hãy còn bé-bỏng, thế mà phải mặc đồ tang đáng thương.

[←346]

Mấy con thơ ấy mới bập-bẹ nói, thường lui tới chỗ thờ vua Quang-trung, nói những lời u-a u-ơ với vẻ ngây thơ, thì thương cảm biết dường nào !

[←347]

Tức là « lục cung » (sáu cung). Ý nói vợ vua và các cung nhân trong sáu viện đều phai thắm kém tươi vì vua Quang-trung mất.

[←348]

Do chữ « nghệ thường » mà ra. Ý nói mọi người trong sáu viện đều vì tang-tóc buồn rầu mà mình gầy như ve đến nỗi mặc quần áo thấy rộng và lỏng cả !

[←349]

Vì lòng thương nhớ quá đỗi, bôn-chồn muốn đi theo nhà vua thì âm dương cách-biệt, lạc lối biết tìm đâu ! Hốt hoảng muốn quay về quê-hương thì bởi bởi hờn duyên tử phận !

[←350]

Chỉ ban thứ trong triều.

[←351]

Những kẻ tình thì sơ, ở thì xa tít núi sâu hang thẳm, thế mà cũng động lòng đau thương khi hay tin vua Quang-trung mất ; huống chi những người vừa thân, vừa gần gũi, phải gặp tình cảnh ấy biết bao đau đớn cảm thương !

[←352]

Do chữ « cửu-thiên » mà ra. Chín giới là : trung-ương, bốn phương chính và bốn phương góc. Ý nói tình cảnh người sống thế này, chẳng hay tình linh người thác ở nơi « chín giới » có thấu cho chăng.

[←353]

Tên một loài chim ; con đực gọi là uyên (hoặc oan), con mái gọi là ương, thường ở đôi với nhau mà không chia lìa ; nên người ta dùng « uyên ương » để ví với cặp vợ chồng hòa-thuận đoàn-tụ. Đây nói « uyên ương chiếc bóng » là chỉ về chồng chết vợ còn lẻ-loi, chia rẽ !

[←354]

Do câu chữ nho « thương hải biến vì tang điền », một thành ngữ chỉ về cuộc thay đổi biến thiên ở đời.

[←355]

Mấy tiếng này là dịch theo chữ « tương nại chi hà ». Cũng như nói « biết làm thế nào ! » hoặc « biết tính ra sao ! »

[←356]

Có mặt trời và mặt trăng sáng tỏ ở trên đầu soi xét cho tấm lòng này.

[←357]

Nay là huyện Can-lộc thuộc tỉnh Hà-tĩnh.

[←358]

Vì Ích là người làng Thụy-Khuê, nên tước phong gọi là Thụy-nham-hầu.

[←359]

Nguyễn-quang-Toản nhà Tây-sơn có hai niên hiệu : Cảnh-thịnh (1793-1800) và Bảo-hưng (1801-1802).

[←360]

Quân sĩ trong tiền-quân thuộc dưới quyền chỉ-huy của Nguyễn-văn-Thành.

[←361]

甲子春擬掌前軍總鎮官犒祭本軍陣故將士國音文.

[←362]

Nhân tài liệu này, ta rút được kết-luận rất chắc chắn : bài văn tế trần vong tướng sĩ ở đầu triều Nguyễn là làm vào năm giáp-tí (1804) mà bài văn tế ấy không phải là của Tiền-quân Thành như nhiều sách báo quốc-ngữ hiện nay đã gán liền đâu.

[←363]

Vì bài này làm vào năm giáp-tí (1804), đã bước sang đầu đời Nguyễn, nên không dẫn cả toàn văn, cho hợp với nhan sách đã đặt : QUỐC-VĂN ĐỜI TÂY-SƠN.

[←364]

Phải đi xa mà đánh trận hoặc làm việc trấn-thủ lưu đồn.

[←365]

Người phải nhọc-nhăn vất-vả.

[←366]

Đạo làm tướng kiêm làm thầy.

[←367]

Nguyên văn chữ hán là :

Nhân-mục tiên-sinh Chính phụ ngâm,

Cao tình, dật điệu, bá từ lâm !

Cận lai khoái trá tương truyền tụng,

Đa hữu thôi sao vị diễn âm.

Vận luật hại cùng văn mạch túy,

Thiên chương tu hướng nhạc thanh tâm.

Nhàn trung phiên dịch thành tân khúc,

Tự tín suy-minh tác giả tâm.

仁陸先生征婦吟

高情逸調播詞林

近來膾炙相傳誦

多有摧敲爲演音

韞律曷窮文脉粹

篇章須向樂聲尋

閒中翻譯成新曲

自信推明作者心

(VÂN-DU TÙY-BÚT, quyển thứ sáu, trong DỤ AM NGÂM TẬP, tờ 60a-b).

[←368]

Nhân dịp xin đính chính mấy chỗ in nhầm trong bài báo ấy :

Trang 3, cột một :

- « ...bà có câu đối rằng... » xin đọc là « ...người cháu gái bà có câu đối rằng... »

- « Tuổi 70, bà thường đi lại nơi kinh ấp... » xin đọc là « Tuổi 70, người cháu gái bà thường đi lại nơi kinh ấp... »

Trang 15, cột một, nơi cuối bài : « phương-pháp hóa học... » xin đọc là « ...phương-pháp khoa học... »

[←369]

Giữa tháng chạp (không ghi năm nào) về núi (nhà Huy-Ích ở gần núi Thầy), họa vắn lại bài của Trần quan (?) đưa tiễn.

[←370]

Tiệc tiến chân.

[←371]

Đóa hoa trong vườn ngự đang mơn-mởn đua tươi.

[←372]

Mà nay vì sương lạnh đọng lại, làm cho sắc hoa héo-hắt, điêu tàn !

[←373]

Mặt trắng, tượng-trưng về hậu-phi.

[←374]

Thuyết cũ cho rằng trong mặt trăng có cây quế, nên xưa ta dùng « bóng quế » để chỉ về trăng. Câu này ý nói vầng trăng đang sáng bỗng có mây mù che khuất làm cho mờ đi, ví với cảnh Vũ hoàng-hậu đang đẹp đẽ, bỗng cái chết làm cho tan tác đau buồn.

[←375]

« Doành Hoàng » là sông Ngân-hoàng, tức sông Thiên-hà. Nghĩa bóng nói bà Ngọc-Hân là con gái vua Lê, ra từ dòng-dối nhà Trời. Nhớ từ thuở bé, tấm thân vàng ngọc ấy được trau chuốt hoàn-toàn.

[←376]

Sau khi kết duyên với đức lệnh Nguyễn-Huệ, bà Ngọc-Hân được bà con nhà Lê tiễn đưa đến tận bên Vị hoàng ở trấn Sơn nam (nay là Nam-định) để bà về nhà chồng ở Nam-hà.

[←377]

Trong khi sánh duyên với vua Quang-trung, thì đạo vợ chồng vui vầy như tiếng đàn cầm, đàn sắt, rất là hòa nhịp.

[←378]

« Tuyền đình » chỉ nơi cung-đình nhà vua trang-hoàng bằng thứ ngọc tuyền tốt đẹp. Ý nói nơi cung thất có cái lễ thối hòa vui.

[←379]

« Quế dịch » cũng như quế cung, là cái cung-thất đẹp-đẽ. Ý nói trong cung
đầm-ấm những hơi tốt lành.

[←380]

Trong kinh THI có thơ Cù-mộc, trong nói bà hậu-phi có hiền đức, ví như cây cù mộc rườm rà, tốt tươi che chở cho những cây sẵn dây, là thứ cây leo, nương tựa ở đấy.

[←381]

« Phương lan » chỉ các con cháu. Ý nói nhờ bà Ngọc-Hân chăm-nom săn-sóc con cháu như những cây lan thơm đều được chia xẻ ơn trạch.

[←382]

Ý hai câu này nói : các con cháu đều được bà nâng-niu như hương-hoa.
Trong nhà ấm-cúng những câu nói tiếng cười vui vẻ.

[←383]

Lấy điển trong thơ « Đào yêu » ở kinh THI nói người con gái được cập thời mà thành gia thất.

[←384]

Những con gái đã ở riêng, khi về nhà thăm cha mẹ, đều được nhà bà dạy-dỗ cho.

[←385]

Còn con gái nào hãy còn bé, đợi kén chồng thì cũng được bà nâng-niu cẩn-thận.

[←386]

Chín chữ cù lao của cha sinh mẹ dưỡng, so-sánh với trời là bề trên, thật là cao-cả to-tát.

[←387]

Khi cha mẹ song toàn, con cái thật được vui vẻ như trong sách xưa đã chép.

[←388]

Những mong bà được sống lâu như tuổi hạc để con cháu làm tiệc mừng thọ ngạt-ngào trong hương sen (ngẫu) thơm.

[←389]

Ai ngờ bà vội mất ngay, làm cho con cháu đang tuổi xuân xanh, phải buồn
tẻ như hoa ử hèo !

[←390]

Từ nay âm dương cách biệt, các con rất buồn phiền.

[←391]

Nhưng một dạ kính cẩn, trước sao sau vậy, các con không dám trễ nãi.

[←392]

Dầu bà vui vẻ đi về cảnh Phật, nhưng quên sao được hai chút con nhỏ hãy còn thơ ngây.

[←393]

Dầu bà vắng bóng ở thanh đô là chỗ cung khuyết vua ở, nhưng bà quên sao được đức Phù-ninh Từ cung là mẹ đang lúc tuổi già như mặt trời xế bóng trên ngọn cây dâu.

[←394]

« Vện vẽ » cũng như trợn vện.

[←395]

Nhờ trên có đức vua Cảnh-thịnh hết lòng hiếu kính, quyến-luyến chốn
đình-vi là chỗ cha mẹ ở mà săn-sóc đến nơi đến chốn.

[←396]

Vua Cảnh-thịnh làm lễ truy tôn bà (tháng mười-một, năm kỷ-mùi, 1799)
đã đặt sáu chữ làm miếu hiệu là « Nhu ý trang thận-trình nhất ».

[←397]

Nay bày đồ xe tang mà nghi-vệ để làm việc chôn cất, lại càng xứng hợp với lễ lắm.

[←398]

Nay sắp sửa xa cách linh-cữu.

[←399]

Kính bày lễ tế điện.

[←400]

Đóa mây trắng.

[←401]

Dâng lễ cúng tế đạm-bạc bằng chút nước vũng ao. Ý nói lễ bạc mà lòng thành kính cũng có thể cảm cách đến vong linh.

[←402]

Triều Nguyễn gọi là cử nhân.

[←403]

Một khoa thi võ đời Lê.

[←404]

Hồi Nguyễn, Trịnh giao tranh, lấy sông Gianh (Linh-giang) làm giới hạn. Từ bờ bắc sông Gianh trở ra, gọi là Bắc-hà ; từ bờ Nam trở vào, gọi là Nam-hà.

[←405]

Ba phủ Hà trung, Thiệu-hóa và Tĩnh-gia.

[←406]

Nay là Bình-định.

[←407]

Nay ở phố Hàng Lọng, Hà-nội.

[←408]

Tương phong của Trương Lương. Trong VIỆT-NAM VĂN HỌC SỬ YẾU, quyển I, của giáo sư Dương-quảng-Hàm (Nha Học-chính, Hà-nội xuất bản, 1943), trang 305, nói bài phú này của Nguyễn-bá-Luân (1701-1785) nhưng có đánh dấu hỏi trong hai ngoặc đơn.

[←409]

Phiên âm theo bản chữ nôm chép trong sách LÊ-KÝ (dã sử sách viết tay).

[←410]

Lỗ-trọng-Liên, người đời Chiến-quốc, không chịu tôn nhà Tần làm đế.

[←411]

Phạm-Lãi, người đời Xuân-thu, giúp Việt Câu-Tiến diệt được nước Ngô, rồi
bơi thuyền tiêu dao trên Ngũ-hồ.

[←412]

Lý-Tĩnh người Tam-nguyên, đời Đường, tên tự là Dực-sư, trước làm quan với Tùy, sau về với Đường, có công bình Ngô, phá Đột-quyết, dẹp Thổ-cốc-hồn.

[←413]

Chư cát-Lượng, tự là Khổng-minh, người Đương-đô, đời Tam-quốc, giúp Lưu-bị lấy Kinh-châu, dẹp Ích-châu, đẩy được nghiệp Hán ở Ba-thục, lập thành cái thế tam phân, phong Vũ-hương hậu, định đánh Trung-nguyên, nhưng không xong, mất ở trong quân.

[←414]

Ngôi thì ở địa-vị làm thầy của vua, mà danh thì nổi tiếng là kẻ sĩ cao-thượng.

[←415]

Coi danh lợi như vật ngoài thân mình, trong lòng không bận bịu đến.

[←416]

Sự nghiệp của Trương-Lương được ghi bằng chữ vàng, khoán sắt, lưu truyền mãi nghìn năm, không phai nhạt được.

[←417]

Nề nếp nhà nho, phẩm giá người bầy-tôi có tiếng tốt.

[←418]

Dù chẳng là thần tiên, nhưng cũng khác với phàm-tục.

[←419]

Để danh rục rở trên sử sách hàng muôn năm.

[←420]

Xem một thiên sách chép việc chọn bạn : « Thượng hữu » do chữ trong sách MẠNH TỬ : « ...thị thượng hữu dã » (thế là làm bạn với người xưa).

[←421]

Mong làm như... muốn bắt chước...

[←422]

Tên tự Trương-Lương.

[←423]

Do chữ trong HÁN SỬ : « Chí-sĩ nguyện hi Chư-cát Lượng bất nguyện hi Trương Tử-phòng » (Người chí sĩ mong làm như Chư-cát Lượng, chứ không mong làm như Trương Tử-phòng). Trái với ý câu HÁN SỬ ấy, tác-giả bài phú này cho thế là đáng trách, vì không biết người.

[←424]

Người xưa quan-niệm rằng trời tròn đất vuông, nên bấy giờ mới dùng gò tròn và chằm vuông để tượng-trưng trời đất.

[←425]

Người xưa quan-niệm rằng trời tròn đất vuông, nên bấy giờ mới dùng gò tròn và chằm vuông để tượng-trưng trời đất.

[←426]

Nén hương kính-cẩn tể Trời xông tỏa lên cõi mệnh-mông, rộng rãi.

[←427]

Chén rượu thành-kính tế Đất thấm xuống cõi thiêng-liêng, dày tổi.

[←428]

Chỉ chỗ Tiên ở.

[←429]

Hình uốn cong mà có nước loáng sáng, trông như cái câu liêm bằng bạc.

[←430]

« Nhỏ-nhỏ » tức là nho-nhỏ. Nước hồ Tây một màu trắng xóa, trông như sông Ngân từ trời rơi xuống những mảnh nho-nhỏ.

[←431]

Hơi khói và dáng trời : tượng trưng cho cảnh lâm-tuyền. Ý nói chỗ Tây-hồ là cảnh thành-thị mà cũng pha thú yên-hà là mùi lâm-tuyền.

[←432]

Do chữ trong CỔ-VĂN : gió mát ở mặt sông và trăng trong ở khoảng núi là của kho vô tận, tiêu dùng không hết.

[←433]

Nước sông Nhị-hà, tức ngày nay gọi là Hồng-hà.

[←434]

Ở cửa Bắc Thăng-long (Hà-nội) có ba quả núi đất như cái gò cao, bấy giờ gọi là Tam-sơn.

[←435]

Đàn cá, bầy cò, dưới ánh trăng sáng, đớp bọt bắt bóng lặn tẩn.

[←436]

Tức năm 1788, Nguyễn-Huệ lên ngôi, kỷ-nguyên Quang-trung, rồi đem quân ra diệt giặc Thanh vào đầu tháng giêng năm kỷ-dậu (1789).

[←437]

Đám mây lành, tượng-trưng cho cảnh thái-bình.

[←438]

Đẹp yên giặc-giã loạn-lạc. Trong *Phú nông*, tập dưới, của Vũ-khắc-Tiếp chép là « đặng địch ».

[←439]

Tức năm 1790, vua Quang-trung làm được nhiều việc lợi-ích cho nhân-dân.

[←440]

Mưa thuận, đúng thời, làm thỏa mãn lòng người khao-khát mong mưa trong cơn đại hạn.

[←441]

Gội nhuộm, thẩm thía.

[←442]

Nhà Tây-sơn nổi lên từ năm tân-mão (1771).

[←443]

Năm mậu-tuất (1778), chúa Nguyễn-Ánh sai Lưu-Phúc-Trưng sang Xiêm tu hiếu và hỏi việc Mạc-thiên-Tứ, Tôn-thất-Xuân do chúa Nguyễn sai sang cầu cứu từ trước. Qua năm giáp-thìn (1784), chính chúa Nguyễn-Ánh lại sang Xiêm cầu viện. Nhưng, sau trận Tăng, Sương thua này, người Xiêm sợ Tây-sơn như sợ cọp.

[←444]

Như bài văn tế Vũ-Tính và Ngô-tòng-Chu, bài văn tế trận vong tướng sĩ...

[←445]

Như Bích câu kỳ-ngộ, Nhị độ mai, Phan-Trần, v.v...